

**BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO
TRƯỜNG ĐẠI HỌC NGUYỄN TẤT THÀNH**



**ĐỀ ÁN MỞ NGÀNH ĐÀO TẠO
TÂM LÝ HỌC LÂM SÀNG - TRÌNH ĐỘ THẠC SĨ**

TP. HCM - NĂM 2025



BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO
TRƯỜNG ĐẠI HỌC NGUYỄN TẤT THÀNH
Số: 14 /ĐA-NTT

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc
Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 29 tháng 10 năm 2025

ĐỀ ÁN MỞ NGÀNH ĐÀO TẠO
TÂM LÝ HỌC LÂM SÀNG - TRÌNH ĐỘ THẠC SĨ

TÊN NGÀNH ĐÀO TẠO : TÂM LÝ HỌC LÂM SÀNG
MÃ NGÀNH : 8310402
TÊN CƠ SỞ ĐÀO TẠO : TRƯỜNG ĐẠI HỌC NGUYỄN TẤT THÀNH
TRÌNH ĐỘ ĐÀO TẠO : THẠC SĨ

TP. HCM - NĂM 2025

MỤC LỤC

PHẦN 1

SỰ CẦN THIẾT PHẢI XÂY DỰNG ĐỀ ÁN.....	1
1.1. Giới thiệu Trường Đại học Nguyễn Tất Thành.....	1
1.1.1 Giới thiệu sơ lược.....	1
1.1.2. Đội ngũ giảng viên và cơ sở vật chất.....	2
1.2. Giới thiệu về Khoa Tâm lý - Giáo dục	4
1.2.1. Quá trình hình thành và phát triển	4
1.2.2. Tình hình nhân sự của Khoa	6
1.3. Sự cần thiết mở ngành đào tạo.....	7
1.3.1. Sự phù hợp với nhu cầu nguồn nhân lực	7
1.3.2. Sự phù hợp với Danh mục thống kê ngành đào tạo	8
1.3.3. Căn cứ ngành đào tạo đáp ứng được nhu cầu của người học	8
1.4. Vị trí việc làm sau khi tốt nghiệp.....	12

PHẦN 2

ĐIỀU KIỆN VỀ CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO ĐỂ MỞ NGÀNH	13
2.1. Cơ sở xây dựng Chương trình đào tạo.....	13
2.1.1. Căn cứ cơ sở pháp lý	13
2.1.2. Căn cứ vào tham khảo chương trình đào tạo	14
2.1.3. Căn cứ vào các khả năng đảm bảo chất lượng đào tạo.....	15
2.2. Chương trình đào tạo.....	16
2.2.1. Tóm tắt chương trình đào tạo	16
2.2.2. Mục tiêu chung (Program general goals)	17
2.2.3. Chuẩn đầu ra của chương trình (PLOs)	18
2.2.4. Tóm tắt các khối lượng kiến thức	20
2.2.5. Các học phần bổ sung kiến thức	20
2.2.6. Danh mục các học phần trong chương trình đào tạo.....	20

2.2.7. Phân bổ tiến độ giảng dạy các học phần dự kiến	23
---	----

PHẦN 3

ĐỘI NGŨ GIẢNG VIÊN, CÁN BỘ KHOA HỌC ĐỂ MỞ NGÀNH	28
---	----

3.1. Đội ngũ giảng viên đầu ngành.....	28
--	----

3.2. Danh sách giảng viên cơ hữu.....	30
---------------------------------------	----

3.3. Lộ trình phân công giảng viên	33
--	----

PHẦN 4

ĐIỀU KIỆN VỀ CƠ SỞ VẬT CHẤT MỞ NGÀNH.....	37
---	----

4.1. Phòng học, giảng đường, trang thiết bị hỗ trợ giảng dạy và thực hành tại Trường.....	38
---	----

4.2. Phần mềm đào tạo hỗ trợ học tập, nghiên cứu.....	39
---	----

4.3. Cơ sở thực tập.....	40
--------------------------	----

4.4. Thư viện, giáo trình, sách, tài liệu tham khảo	42
---	----

4.4.1. Thông tin chung	42
------------------------------	----

4.4.2. Tài liệu học tập ngành Tâm lý học lâm sàng trình độ thạc sĩ	44
--	----

PHẦN 5

NGHIÊN CỨU KHOA HỌC VÀ HỢP TÁC QUỐC TẾ.....	50
---	----

5.1. Hoạt động nghiên cứu khoa học của Trường	50
---	----

5.2. Hoạt động hợp tác quốc tế của Trường	56
---	----

5.3. Nghiên cứu khoa học trong nước và quốc tế của Khoa Tâm lý - Giáo dục (trong 5 năm gần đây).....	57
--	----

5.4. Các hướng nghiên cứu đề tài luận văn thạc sĩ và người hướng dẫn	75
--	----

Phần 6 KẾ HOẠCH TUYỂN SINH VÀ ĐẢM BẢO CHẤT LƯỢNG	78
--	----

6.1. Kế hoạch tuyển sinh, đào tạo	78
---	----

6.1.1. Nguồn tuyển sinh	78
-------------------------------	----

6.1.2. Đối tượng tuyển sinh	78
-----------------------------------	----

6.1.3. Phương thức tuyển sinh	79
-------------------------------------	----

6.1.4. Danh mục các ngành phù hợp 1 và các ngành phù hợp khác cần học bổ sung kiến thức	79
---	----

6.1.5. Hồ sơ dự tuyển	81
6.1.6. Quy trình tuyển sinh	82
Thông báo tuyển sinh	82
Thời gian và hình thức tuyển sinh	83
6.1.7. Quy trình xét tuyển	83
6.1.8. Quy mô tuyển sinh và thời gian đào tạo	83
6.2. Điều kiện tốt nghiệp	83
6.3. Tổ chức bộ máy quản lý để mở ngành Tâm lý học lâm sàng trình độ thạc sĩ	84
6.3.1. Khoa chủ quản mở ngành Tâm lý học lâm sàng trình độ thạc sĩ	84
6.3.2. Danh sách cán bộ quản lý	84
6.4. Phương án, giải pháp đề phòng, ngăn ngừa, xử lý rủi ro	85
6.5. Kế hoạch tổ chức giảng dạy trực tuyến	87
6.6. Kế hoạch đảm bảo chất lượng đào tạo	87

DANH MỤC BẢNG BIỂU

Bảng 1.2. Thông tin các ngành và chuyên ngành thuộc Khoa TL - GD	4
Bảng 2.2.a. Chuẩn đầu ra của chương trình	17
Bảng 2.2.b. Danh mục các học phần bổ sung kiến thức	19
Bảng 2.2.c. Danh mục các học phần trong chương trình đào tạo	19
Bảng 2.2.d. Kế hoạch học tập, nghiên cứu toàn khóa của học viên	22
Bảng 3.1. Danh sách giảng viên đầu ngành	27
Bảng 3.2. Danh sách giảng viên cơ hữu mở ngành.	29
Bảng 3.3. Lộ trình phân công giảng viên	32
Bảng 4. Diện tích sàn xây dựng phục vụ đào tạo của Trường và các cơ sở Thực hành ngoài trường	36
Bảng 4.1. Danh sách phòng học, giảng đường, trang thiết bị hỗ trợ giảng dạy và thực hành	37
Bảng 4.2. Phần mềm đào tạo sử dụng cho ngành Tâm lý học lâm sàng	38
Bảng 4.3. Danh mục các cơ sở thực tập	39
Bảng 4.4.1. Cơ sở dữ liệu điện tử của NTTU	41
Bảng 4.4.2. Danh mục tài liệu học tập ngành Tâm lý học lâm sàng trình độ thạc sĩ	43
Bảng 5.1.a. Số lượng đề tài NCKH các cấp được phê duyệt và triển khai	49
Bảng 5.1.b. Số lượng công bố khoa học quốc tế và trong nước	51
Bảng 5.3.a. Danh sách các Đề tài/Dự án NCKH của giảng viên	56
Bảng 5.3.b. Danh sách các công bố quốc tế và trong nước của giảng viên	66
Bảng 5.4. Các hướng nghiên cứu làm luận văn thạc sĩ	78
Bảng 6.1.a. Ngành phù hợp không phải học bổ sung kiến thức và không yêu cầu thâm niên công tác, được dự thi ngay sau khi tốt nghiệp	82
Bảng 6.1.b. Ngành phù hợp (Nhóm 1) phải học bổ sung kiến thức	83
Bảng 6.1.c. Chương trình bổ sung kiến thức	84
Bảng 6.3. Danh sách cán bộ quản lý phụ trách ngành đào tạo	88
Bảng 6.4. Phương án xử lý rủi ro trong mở ngành đào tạo	88

PHẦN 1

SỰ CẦN THIẾT PHẢI XÂY DỰNG ĐỀ ÁN

1.1. Giới thiệu Trường Đại học Nguyễn Tất Thành

1.1.1 Giới thiệu sơ lược

Trường Đại học Nguyễn Tất Thành (NTTU) được thành lập theo Quyết định số 621/QĐ-TTg do Thủ tướng Chính phủ ký ban hành ngày 26 tháng 4 năm 2011, trên cơ sở nâng cấp từ Trường Cao đẳng Nguyễn Tất Thành. Trụ sở nằm tại Thành phố Hồ Chí Minh, hoạt động như một trường đại học tư thục, có tư cách pháp nhân, con dấu và tài khoản riêng. NTTU nằm trong hệ thống giáo dục quốc dân của Việt Nam, chịu sự quản lý đào tạo theo quy định của Bộ Giáo dục và Đào tạo, đồng thời thực hiện quản lý hành chính theo phân cấp của Ủy ban Nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh.

Quy mô và cấu trúc quản lý hiện đại: nhà trường được tổ chức với nhiều đơn vị chuyên trách như Ban giám hiệu, phòng ban hành chính - đào tạo - nhân sự - tài chính - khoa học công nghệ - thiết bị, cùng các viện và trung tâm đào tạo, truyền thông, tư vấn tuyển sinh, nghiên cứu ứng dụng và hỗ trợ việc làm. Con số cụ thể của bạn ban đầu (các phòng, viện, trung tâm, khoa lên đến 18 khoa) có vẻ đầy đủ, nhưng mình không tìm được nguồn xác nhận chính thức để bổ sung - nếu bạn cần, có thể tham khảo trên trang chủ chính thức của trường hoặc các tài liệu nội bộ của trường để đảm bảo độ chính xác.

Từ khi thành lập đến nay, Trường không ngừng phát triển về quy mô và loại hình đào tạo nhưng vẫn đảm bảo chất lượng đào tạo. Tính đến nay Trường đã có hơn 30.000 học viên (HV) và sinh viên (SV) với 58 ngành đào tạo trình độ Đại học chính quy, 17 ngành đào tạo trình độ liên thông Cao đẳng lên Đại học, 13 ngành đào tạo Thạc sĩ và 04 ngành đào tạo Tiến sĩ.

Hiện tại Trường được BGD&ĐT cho phép đào tạo những ngành và chuyên ngành trình độ đại học như sau:

- Khoa Y: Y khoa, Y học dự phòng, Vật lý Y khoa, Kỹ thuật Y sinh, Kỹ thuật phục hồi chức năng;
- Khoa Dược: Dược học
- Khoa Điều dưỡng: Điều dưỡng

- Khoa Kỹ thuật xét nghiệm Y học: Kỹ thuật xét nghiệm
- Khoa Quản trị Kinh doanh: Quản trị kinh doanh, Quản trị nhân lực, Marketing, Kinh doanh quốc tế, Logistic và quản lý chuỗi cung ứng, Thương mại điện tử;
- Khoa Luật: Luật, Luật kinh tế;
- Khoa Tài chính Kế toán: Tài chính-Ngân hàng, Kế toán;
- Khoa Kỹ thuật - Công nghệ: Công nghệ kỹ thuật Ô tô, Công nghệ kỹ thuật Điện Điện tử, Công nghệ kỹ thuật Cơ điện tử, Kỹ thuật Hệ thống công nghiệp;
- Khoa Công nghệ Thông tin: Công nghệ thông tin, Kỹ thuật phần mềm, Mạng máy tính và Truyền thông dữ liệu, Khoa học dữ liệu, Trí tuệ nhân tạo;
- Khoa Âm nhạc - Điện ảnh: Diễn viên kịch, điện ảnh-truyền hình, Piano, Thanh nhạc;
- Khoa Kiến trúc-Nội thất-Mỹ thuật ứng dụng: Kiến trúc, Thiết kế đồ họa, Thiết kế nội thất;
- Khoa Kỹ thuật Xây dựng: Kỹ thuật xây dựng công trình giao thông;
- Khoa Ngoại ngữ: Ngôn ngữ Anh, Ngôn ngữ Trung Quốc, Đông phương học;
- Khoa Du lịch và Việt Nam học: Quản trị khách sạn, Quản trị nhà hàng và dịch vụ ăn uống, Việt Nam học, Du lịch, Quan hệ quốc tế.
- Khoa Tâm lý - Giáo dục: Tâm lý học, Công nghệ Giáo dục, Giáo dục mầm non
- Khoa Truyền thông sáng tạo: Truyền thông đa phương tiện, Quan hệ công chúng;
- Khoa Răng Hàm Mặt: Răng - Hàm - Mặt
- Khoa Quản lý Y tế: Quản lý Bệnh viện;

1.1.2. Đội ngũ giảng viên và cơ sở vật chất

Trường Đại học Nguyễn Tất Thành hiện có đội ngũ giảng viên, cán bộ quản lý và nhân viên hùng hậu, đảm bảo cả về số lượng lẫn chất lượng. Nhà trường có 1.430 giảng viên toàn thời gian, trong đó 969 người có trình độ Thạc sĩ, 377 Tiến sĩ, 70 Phó Giáo sư và 14 Giáo sư. Riêng đội ngũ giảng viên cơ hữu trong độ tuổi lao động là 1.296 người, với 923 Thạc sĩ, 343 Tiến sĩ, 28 Phó Giáo sư và 2 Giáo sư. Lực lượng

giảng dạy được phân bổ đều ở các lĩnh vực đào tạo trọng điểm như Khoa học sức khỏe, Kinh tế - Quản trị, Kỹ thuật - Công nghệ, Xã hội - Nhân văn, Nghệ thuật và Mỹ thuật ứng dụng. Đặc biệt, tỷ lệ giảng viên có trình độ sau đại học chiếm đa số, cùng với sự tham gia của các Giáo sư, Phó Giáo sư, góp phần nâng cao chất lượng giảng dạy, nghiên cứu khoa học và định hướng phát triển chiến lược cho các ngành đào tạo. Sự đa dạng và cân đối trong phân bổ nhân sự giữa các khối ngành giúp Trường xây dựng môi trường học thuật toàn diện, năng động, đáp ứng nhu cầu đào tạo nguồn nhân lực chất lượng cao trong thời kỳ hội nhập và chuyển đổi số.

Cơ sở vật chất hiện đại, trang bị đầy đủ thiết bị dạy học dùng cho việc giảng dạy với 143 phòng thí nghiệm thực hành/Lab các loại, 01 xưởng thực tập, 297 phòng học lý thuyết, 41 Phòng máy tính, phòng học đa phương tiện, 6 Hội trường, 01 Viện VK-TECH, 03 thư viện, hơn 3.400 bàn phục vụ giảng dạy và học tập của GV và HV-SV. Hiện nay Trường đã đưa vào sử dụng 22656 m² sàn phòng học lý thuyết, 20724 m² phòng thực hành – thí nghiệm/Lab, 1007m² Phòng máy tính phòng học đa phương tiện, 5938 m³ hội trường, 4814 m² thư viện, trung tâm học liệu, phòng làm việc tại Cơ sở 1, 2, 4, 5, 6, 7 trong nội ô TP. Hồ Chí Minh. Đặc biệt Trường đã xây dựng hệ thống phòng thực hành nhà hàng, khách sạn đạt chuẩn 5 sao.

Các phòng học đều được trang bị hệ thống âm thanh, đèn chiếu, máy lạnh bảo đảm đáp ứng tốt yêu cầu học tập của sinh viên/học viên. Đặc biệt, nhiều phòng học được bố trí theo phương thức học nhóm, phục vụ thảo luận, seminar của sinh viên/học viên. Phòng làm việc được trang bị đầy đủ thiết bị văn phòng hiện đại để thực hiện vụ chức năng trong quản lý đào tạo.

Diện tích thư viện: 4600m², Số chỗ ngồi: 2500; Số lượng máy tính phục vụ tra cứu: 169, tài liệu 15.549 nhan đề/ 71.170 bản sách in và tài liệu điện tử, trên 80 tên báo và tạp chí chuyên ngành và 17 cơ sở dữ liệu điện tử trong nước và quốc tế; giáo trình 1953 nhan đề/ 16004 bản; sách tham khảo 13656 nhan đề/ 55361 bản; Băng, đĩa, CD-Rom, tranh ảnh, bản đồ 417 nhan đề/ 825 bản; Tạp chí, luận văn, luận án, báo cáo khoa học, báo cáo thực tập: 74 tên tạp chí chuyên ngành; Luận án, Luận văn: 1700 nhan đề/ 1784 bản; Báo cáo khoa học: 1162 nhan đề/ 2367 bản.

Các khu đào tạo được đầu tư xây dựng khang trang, tạo không gian học tập hiện đại, năng động và thoải mái. Triển khai xây dựng 47 học liệu mở phù hợp với

CTĐT từ xa và tập huấn chuyên môn cho GV nhằm đáp ứng nhu cầu học tập theo hướng mở; 100% CTĐT điều chỉnh theo OBE. Đổi mới 100% các phương pháp giảng dạy theo hình thức làm việc nhóm, thuyết trình, case study, phương pháp dự án ...; phát triển tư duy sáng tạo và sử dụng nguồn tài nguyên thông tin thư viện; đánh giá kết quả đào tạo theo năng lực thực hiện của HV.

1.2. Giới thiệu về Khoa Tâm lý - Giáo dục

1.2.1. Quá trình hình thành và phát triển

Khoa Tâm lý - Giáo dục (TL- GD) tiền thân là Khoa Giáo dục Mầm non, được thành lập theo quyết định số 51/QĐ-NTT-TC ngày 10/03/2021; Ngày 20/06/2023 Khoa được đổi tên thành Khoa Khoa học Giáo dục theo quyết định số 929/QĐ-NTT; và chính thức được đổi tên thành Khoa Tâm lý - Giáo dục vào ngày 03/06/2025 theo quyết định số 978/QĐ-NTT. Hiện nay, Khoa quản lý 3 chương trình đào tạo đại học: Ngành Tâm lý học (mở năm 2019), Ngành Giáo dục Mầm non (mở năm 2021) và Ngành Công nghệ Giáo dục (mở năm 2024). Ngành Tâm lý học đã đạt chuẩn kiểm định tiêu chuẩn chất lượng giáo dục do Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành tháng 07/2024.

Bảng 1.2. Thông tin các ngành và chuyên ngành thuộc Khoa TL - GD

Tên ngành ĐT	Bậc ĐT	Thời gian ĐT
Tâm lý học , Đào tạo 02 chuyên ngành - Tham vấn - Trị liệu - Tham vấn - Quản trị nhân sự	ĐH	3.5 năm (CN)
Giáo dục Mầm non	ĐH	3.5 năm (CN)
Công nghệ Giáo dục , Đào tạo 03 chuyên ngành - Ứng dụng công nghệ vào giáo dục - Thiết kế và phát triển công nghệ giáo dục - Quản trị công nghệ giáo dục	ĐH	3.5 năm (CN)

Khoa Tâm lý - Giáo dục Trường Đại học Nguyễn Tất Thành xác định sứ mạng là đào tạo đội ngũ nhân lực chất lượng cao, bao gồm nhân viên, chuyên viên tham vấn

- trị liệu tâm lý, tham vấn - quản trị nhân sự, giáo viên mầm non và các nhà phát triển công nghệ giáo dục. Với uy tín, năng lực nghiên cứu khoa học và cam kết đáp ứng nhu cầu phát triển giáo dục của đất nước, đặc biệt tại khu vực Nam - Tây Nam Bộ, khoa còn hướng đến hội nhập quốc tế. Định hướng đến năm 2030, Khoa Tâm lý - Giáo dục phấn đấu trở thành đơn vị đào tạo và bồi dưỡng nhân lực có uy tín trong khu vực Đông Nam Á, chú trọng phát triển các lĩnh vực đào tạo, nghiên cứu, tham vấn và công nghệ giáo dục. Đồng thời, khoa đặt mục tiêu trở thành trung tâm trao đổi học thuật trong và ngoài nước, góp phần nâng cao chất lượng giáo dục mầm non, tâm lý học và công nghệ giáo dục theo chuẩn quốc tế.

Triết lý giáo dục của Khoa Tâm lý - Giáo dục được định hướng theo phương châm "Khai Trí - Thành Nhân - Nhân Văn - Phát Triển". Triết lý này phản ánh cam kết của Khoa trong việc đào tạo nguồn nhân lực chất lượng cao trong lĩnh vực tâm lý học và khoa học giáo dục.

Về Khai trí, Khoa chú trọng trang bị cho người học không chỉ kiến thức chuyên môn vững chắc mà còn phát triển đồng bộ các kỹ năng mềm, hình thành nhân cách nghề nghiệp và đạo đức nghề nghiệp. Khoa đặc biệt quan tâm đến việc nuôi dưỡng tinh thần học tập suốt đời và khả năng thích ứng với môi trường làm việc luôn thay đổi.

Về Thành nhân, Khoa đề cao vai trò của thực hành trong đào tạo thông qua việc tạo nên nhân cách con người gắn liền với nghề nghiệp. Khoa thường xuyên tạo điều kiện cho người học rèn luyện giá trị của bản thân thông qua các mối quan hệ lễ nghĩa và đạo lý của nhà trí thức

Về Nhân văn, Khoa luôn đào tạo nguồn nhân lực đáp ứng nhu cầu xã hội, hướng đến tính nhân văn của nhà trường của giảng viên để người học thụ hưởng được tính nhân văn trong học vị của bản thân, .

Về Phát triển, chương trình đề cao việc đào tạo dựa trên nền tảng khoa học thực chứng, sử dụng các phương pháp nghiên cứu tiên tiến và phát triển tư duy phản biện. Người học luôn hướng đến sự phát triển cá nhân, phụng sự đất nước

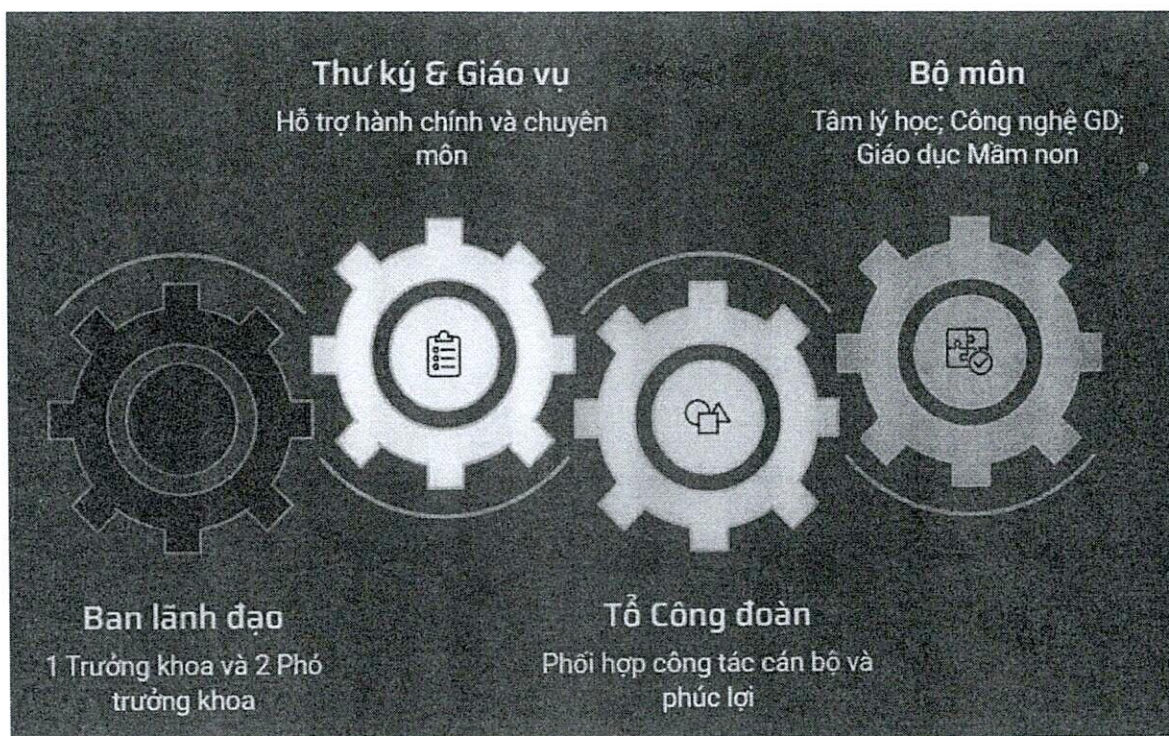
Triết lý giáo dục của Khoa và chương trình được xây dựng trên cơ sở thống nhất với triết lý giáo dục của Trường "Thực học - Thực hành - Thực danh - Thực nghiệp". Các giá trị cốt lõi này được thể hiện xuyên suốt trong thiết kế và thực hiện chương trình, từ mục tiêu, nội dung đến phương pháp đào tạo.

Triết lý giáo dục được cụ thể hóa thông qua các hoạt động đào tạo và được thường xuyên đánh giá, điều chỉnh dựa trên phản hồi từ các bên liên quan như giảng viên, người học, nhà tuyển dụng và các chuyên gia trong lĩnh vực. Điều này đảm bảo tính cập nhật và phù hợp với sự thay đổi của xã hội, đồng thời tạo nền tảng cho sự phát triển bền vững của chương trình.

1.2.2. Tình hình nhân sự của Khoa

Khoa Tâm lý – Giáo dục Trường Đại học Nguyễn Tất Thành hiện sở hữu đội ngũ nhân sự có trình độ chuyên môn cao và giàu tâm huyết với nghề. Lực lượng giảng dạy và nghiên cứu gồm 4 Phó Giáo sư, 9 Tiến sĩ, 4 nghiên cứu sinh, 6 Thạc sĩ và 2 Cử nhân, tạo thành một tập thể vững mạnh, vừa có chiều sâu học thuật vừa năng động, sáng tạo. Sự kết hợp hài hòa giữa các giảng viên nhiều kinh nghiệm với các nhà nghiên cứu trẻ giúp Khoa không chỉ đảm bảo chất lượng giảng dạy mà còn thúc đẩy hoạt động nghiên cứu khoa học, tham vấn - trị liệu tâm lý, quản trị nhân sự, giáo dục mầm non và phát triển công nghệ giáo dục. Đây chính là nền tảng quan trọng để Khoa Tâm lý - Giáo dục khẳng định uy tín trong đào tạo và nghiên cứu, đồng thời hướng tới hội nhập khu vực và quốc tế.

Ban Chủ nhiệm Khoa hiện gồm một Trưởng khoa và hai Phó Trưởng khoa. Hiện tại, Khoa được tổ chức thành ba bộ môn: Bộ môn Tâm lý học, Bộ môn Công nghệ Giáo dục và Bộ môn Giáo dục Mầm non. Ngoài ra, Khoa cũng dự kiến thành lập thêm Bộ phận Sau đại học nhằm phụ trách và triển khai các hoạt động liên quan đến công tác đào tạo ở bậc sau đại học.



Hình 1.2. Sơ đồ tổ chức của Khoa TL - GD

1.3. Sự cần thiết mở ngành đào tạo

1.3.1. Sự phù hợp với nhu cầu nguồn nhân lực

Ngành Tâm lý học lâm sàng trình độ Thạc sĩ đáp ứng nhu cầu cấp thiết về nguồn nhân lực chất lượng cao trong lĩnh vực chăm sóc sức khỏe tâm thần tại Việt Nam. Theo báo cáo của Tổ chức Y tế Thế giới (WHO) năm 2023, khoảng 15% dân số Việt Nam đang gặp các vấn đề về sức khỏe tâm thần. Tình trạng này đã trở nên trầm trọng hơn sau đại dịch COVID-19, với tỷ lệ người mắc các rối loạn tâm thần như trầm cảm, lo âu tăng lên đáng kể. Bên cạnh đó, áp lực công việc, học tập và các vấn đề xã hội khác cũng góp phần làm gia tăng nhu cầu về dịch vụ tâm lý lâm sàng. Tuy nhiên, theo thống kê của Bộ Y tế năm 2023, Việt Nam chỉ có khoảng 1 nhà tâm lý lâm sàng trên 100.000 dân, thấp hơn nhiều so với tiêu chuẩn của WHO (1:10.000). Đặc biệt, tỷ lệ nhà tâm lý lâm sàng có trình độ sau đại học còn thấp hơn, chỉ chiếm khoảng 30% tổng số nhân lực trong ngành.

Nhận thức được tầm quan trọng của vấn đề này, Chính phủ Việt Nam đã đưa ra nhiều chiến lược và kế hoạch phát triển. Chiến lược quốc gia về sức khỏe tâm thần

giai đoạn 2022-2030 đặt mục tiêu tăng số lượng nhà tâm lý lâm sàng có trình độ thạc sĩ trở lên lên 50% vào năm 2030. Đồng thời, Kế hoạch phát triển nhân lực y tế giai đoạn 2021-2030 của Bộ Y tế cũng nhấn mạnh việc đào tạo chuyên sâu trong lĩnh vực tâm lý lâm sàng. Xu hướng hội nhập quốc tế trong lĩnh vực y tế đang diễn ra mạnh mẽ, đòi hỏi đội ngũ chuyên gia tâm lý lâm sàng đạt chuẩn quốc tế. Các dự án hợp tác quốc tế trong lĩnh vực sức khỏe tâm thần ngày càng gia tăng, tạo cơ hội cho các chuyên gia có trình độ cao.

Việc mở ngành Thạc sĩ Tâm lý học lâm sàng tại Trường Đại học Nguyễn Tất Thành không chỉ đáp ứng nhu cầu xã hội mà còn phù hợp với chiến lược phát triển của Nhà trường. Đây là bước đi quan trọng góp phần thực hiện mục tiêu mở rộng đào tạo sau đại học và tăng cường nghiên cứu khoa học trong lĩnh vực khoa học sức khỏe, một trong những định hướng trọng tâm của Trường. Thông qua việc đào tạo nguồn nhân lực chất lượng cao trong lĩnh vực tâm lý lâm sàng, Trường Đại học Nguyễn Tất Thành sẽ đóng góp tích cực vào việc nâng cao chất lượng chăm sóc sức khỏe tâm thần cho cộng đồng, đồng thời có thể giúp nâng cao vị thế của mình trong lĩnh vực đào tạo các chuyên ngành y tế.

1.3.2. Sự phù hợp với Danh mục thống kê ngành đào tạo

Ngành Tâm lý học lâm sàng, mã số 8310402 đã có trong danh mục thống kê ngành đào tạo theo Thông tư số 09/2022/TT-BGDĐT ngày 06/6/2022 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo. Việc mở ngành này hoàn toàn phù hợp với quy định hiện hành về danh mục ngành đào tạo được phép mở tại các cơ sở giáo dục đại học. Điều này đảm bảo tính pháp lý và sự công nhận của ngành đào tạo trong hệ thống giáo dục quốc gia. Bằng cấp và chương trình đào tạo của ngành sẽ được công nhận rộng rãi, tạo điều kiện thuận lợi cho học viên tốt nghiệp trong việc tìm kiếm việc làm hoặc tiếp tục học tập ở bậc cao hơn. Đồng thời, việc nằm trong danh mục chính thức cũng tạo cơ sở để Trường Đại học Nguyễn Tất Thành xây dựng chương trình đào tạo chuẩn mực, đáp ứng các yêu cầu về chất lượng và nội dung của Bộ Giáo dục và Đào tạo.

1.3.3. Căn cứ ngành đào tạo đáp ứng được nhu cầu của người học

Việc đề xuất mở ngành đào tạo Thạc sĩ Tâm lý học lâm sàng tại Trường Đại học Nguyễn Tất Thành xuất phát từ nhu cầu cấp thiết về nguồn nhân lực chất lượng cao trong lĩnh vực chăm sóc sức khỏe tâm thần tại Việt Nam. Theo báo cáo của Tổ chức Y tế Thế giới (WHO) năm 2023, khoảng 15% dân số Việt Nam đang gặp các vấn đề về sức khỏe tâm thần. Con số này đã tăng đáng kể so với tỷ lệ 12% được ghi nhận vào năm 2017, phản ánh xu hướng gia tăng đáng lo ngại về các vấn đề sức khỏe tâm thần trong xã hội Việt Nam.

Đại dịch COVID-19 đã làm trầm trọng thêm tình trạng này, với tỷ lệ người mắc các rối loạn tâm thần như trầm cảm và lo âu tăng lên đáng kể. Theo một nghiên cứu được thực hiện bởi Viện Sức khỏe Tâm thần Quốc gia vào năm 2022, tỷ lệ người trưởng thành có biểu hiện trầm cảm đã tăng từ 2,8% trước đại dịch lên 4,2% sau đại dịch, trong khi tỷ lệ rối loạn lo âu tăng từ 2,6% lên 3,8%. Điều này cho thấy nhu cầu về dịch vụ tâm lý lâm sàng ngày càng tăng cao.

Bên cạnh đó, áp lực công việc, học tập và các vấn đề xã hội khác cũng góp phần làm gia tăng nhu cầu về dịch vụ tâm lý lâm sàng. Theo một khảo sát của Bộ Lao động, Thương binh và xã hội năm 2023, 35% người lao động trong độ tuổi 25-45 báo cáo có stress liên quan đến công việc, trong khi 28% sinh viên đại học cho biết họ đang phải đối mặt với áp lực học tập và lo lắng về tương lai nghề nghiệp.

Tuy nhiên, nguồn nhân lực hiện tại trong lĩnh vực tâm lý lâm sàng chưa đáp ứng được nhu cầu ngày càng tăng này. Theo thống kê của Bộ Y tế năm 2023, Việt Nam chỉ có khoảng 1 nhà tâm lý lâm sàng trên 100.000 dân, thấp hơn nhiều so với tiêu chuẩn của WHO (1:10.000). Đặc biệt, tỷ lệ nhà tâm lý lâm sàng có trình độ sau đại học còn thấp hơn, chỉ chiếm khoảng 30% tổng số nhân lực trong ngành. Điều này cho thấy sự thiếu hụt nghiêm trọng về nhân lực chất lượng cao trong lĩnh vực tâm lý lâm sàng.

Dự báo trong 5-10 năm tới, nhu cầu nhân lực ngành tâm lý lâm sàng sẽ tăng 20-30% mỗi năm. Điều này dựa trên các yếu tố như: (1) Xu hướng già hóa dân số, dẫn đến gia tăng các vấn đề sức khỏe tâm thần ở người cao tuổi; (2) Sự phát triển của các dịch vụ chăm sóc sức khỏe tâm thần tại cộng đồng; (3) Nhận thức ngày càng cao của xã hội về tầm quan trọng của sức khỏe tâm thần.

Việc mở ngành Thạc sĩ Tâm lý học lâm sàng cũng phù hợp với các chiến lược và kế hoạch phát triển quốc gia, cụ thể:

- Chiến lược quốc gia về sức khỏe tâm thần giai đoạn 2022-2030 đặt mục tiêu tăng số lượng nhà tâm lý lâm sàng có trình độ thạc sĩ trở lên lên 50% vào năm 2030.

- Kế hoạch phát triển nhân lực y tế giai đoạn 2021-2030 của Bộ Y tế nhấn mạnh việc đào tạo chuyên sâu trong lĩnh vực tâm lý lâm sàng, với mục tiêu đạt tỷ lệ 1 nhà tâm lý lâm sàng trên 50.000 dân vào năm 2025 và 1:30.000 vào năm 2030.

- Chiến lược phát triển giáo dục đại học giai đoạn 2021-2030 của Bộ Giáo dục và Đào tạo khuyến khích các trường đại học mở rộng đào tạo sau đại học trong các lĩnh vực có nhu cầu cao của xã hội.

- Xu hướng hội nhập quốc tế trong lĩnh vực y tế đang diễn ra mạnh mẽ, đòi hỏi đội ngũ chuyên gia tâm lý lâm sàng đạt chuẩn quốc tế. Các dự án hợp tác quốc tế trong lĩnh vực sức khỏe tâm thần ngày càng gia tăng, tạo cơ hội cho các chuyên gia có trình độ cao. Theo thống kê của Cục Khoa học Công nghệ và Đào tạo (Bộ Y tế), số lượng dự án hợp tác quốc tế trong lĩnh vực sức khỏe tâm thần đã tăng 30% trong giai đoạn 2020-2023.

Bên cạnh đó, nhu cầu của xã hội trong tương lai rất cần có được đội ngũ tâm lý học lâm sàng để hỗ trợ cho người dân đang bị áp lực tâm lý trong một xã hội hiện đại

Việc mở ngành Thạc sĩ Tâm lý học lâm sàng tại Trường Đại học Nguyễn Tất Thành không chỉ đáp ứng nhu cầu xã hội mà còn phù hợp với chiến lược phát triển của Nhà trường. Đây là bước đi quan trọng góp phần thực hiện mục tiêu mở rộng đào tạo sau đại học và tăng cường nghiên cứu khoa học trong lĩnh vực khoa học sức khỏe, một trong những định hướng trọng tâm của Trường. Thông qua việc đào tạo nguồn nhân lực chất lượng cao trong lĩnh vực tâm lý lâm sàng, Trường Đại học Nguyễn Tất Thành sẽ đóng góp tích cực vào việc nâng cao chất lượng chăm sóc sức khỏe tâm thần cho cộng đồng, đồng thời nâng cao vị thế của mình trong lĩnh vực đào tạo chuyên ngành y tế.

Khi Trường Đại học Nguyễn Tất Thành mở ngành đào tạo Thạc sĩ Tâm lý học lâm sàng sẽ đem lại giá trị học thuật và năng lực thực hành lâm sàng cho người học và phục vụ cho nhu cầu cấp bách của xã hội hiện nay cụ thể như sau:

****Nhu cầu xã hội cấp thiết***

- *Gia tăng các vấn đề sức khỏe tâm thần*: Tỷ lệ trầm cảm, lo âu, rối loạn cảm xúc... ngày càng cao, đặc biệt ở thanh thiếu niên, học sinh, sinh viên, người lao động sau đại dịch COVID-19.

- *Thiếu chuyên gia tâm lý lâm sàng*: Việt Nam hiện nay có rất ít chuyên gia được đào tạo bài bản về tâm lý học lâm sàng so với nhu cầu thực tế. Tâm lý học chuyên ngành nói chung không cung cấp đủ kiến thức và kỹ năng can thiệp trị liệu.

- *Yêu cầu từ hệ thống y tế, giáo dục và an sinh xã hội*: Các bệnh viện, trung tâm y tế, trường học, tổ chức xã hội... đang cần nhân lực có trình độ Thạc sĩ Tâm lý học lâm sàng để đánh giá, can thiệp, hỗ trợ bệnh nhân và thân chủ.

*** *Tính chuyên sâu và thực hành cao***

- Tâm lý học lâm sàng là chuyên ngành ứng dụng đặc thù, yêu cầu đào tạo kiến thức chuyên môn sâu (về chẩn đoán, trị liệu, đạo đức nghề nghiệp, liệu pháp tâm lý) và thực hành lâm sàng có giám sát. ThS. Tâm lý học nói chung không đáp ứng được điều này.

- Mở Thạc sĩ Tâm lý học lâm sàng là đáp ứng chuẩn mực quốc tế về đào tạo chuyên gia tâm lý hành nghề (theo APA, WHO...).

*** *Hội nhập và chuẩn hóa nghề nghiệp***

- Việc đào tạo Thạc sĩ Tâm lý học lâm sàng giúp đưa Việt Nam hội nhập với mạng lưới tâm lý học lâm sàng quốc tế, mở ra cơ hội hợp tác đào tạo, nghiên cứu, công nhận bằng cấp, trao đổi chuyên gia.

- Tạo nền tảng cho việc cấp phép hành nghề: Hiện nay, việc hành nghề tâm lý đang trong quá trình chuẩn hóa và quản lý nhà nước. Người học từ chương trình Thạc sĩ Tâm lý học lâm sàng là nguồn nhân lực được ưu tiên cấp chứng chỉ hành nghề trong tương lai.

*** *Định hướng phát triển chuyên sâu ở bậc sau đại học***

- Mở Thạc sĩ Tâm lý học lâm sàng sẽ tạo tiền đề để đào tạo Tiến sĩ Tâm lý học lâm sàng, phục vụ giảng dạy đại học và nghiên cứu chuyên sâu.

- Đồng thời, góp phần nâng cao vị thế khoa học của cơ sở đào tạo, thể hiện sự bắt nhịp với xu thế đào tạo chuyên gia đa lĩnh vực.

- Định hướng sau 03 năm khi khoa đào tạo Thạc sĩ Tâm lý học lâm sàng có học viên ra trường thì khoa sẽ đề nghị kiểm định chương trình Thạc sĩ Tâm lý học lâm

sàng để tiếp tục mở ngành đào tạo Tiến sĩ Tâm lý học lâm sàng. Vì hiện nay phía Nam chưa có cơ sở nào đào tạo chuyên ngành này ở trình độ tiến sĩ

Tóm lại, việc đề xuất mở ngành đào tạo Thạc sĩ Tâm lý học lâm sàng tại Trường Đại học Nguyễn Tất Thành là cần thiết và cấp bách, đáp ứng nhu cầu xã hội, phù hợp với chiến lược phát triển quốc gia và xu hướng hội nhập quốc tế. Điều này sẽ góp phần quan trọng trong việc nâng cao chất lượng nguồn nhân lực trong lĩnh vực chăm sóc sức khỏe tâm thần, đáp ứng nhu cầu ngày càng tăng của xã hội và thúc đẩy sự phát triển bền vững của ngành y tế Việt Nam.

1.4. Vị trí việc làm sau khi tốt nghiệp

Học viên tốt nghiệp có thể đảm nhận các vị trí công việc chính sau:

- Chuyên viên tâm lý lâm sàng tại các cơ sở y tế, bệnh viện, phòng khám;
- Nhà tham vấn tâm lý tại các trung tâm tham vấn tâm lý, trường học, cơ quan, tổ chức;
- Giảng viên, nghiên cứu viên tại các trường đại học, cao đẳng, viện nghiên cứu;
- Chuyên viên tham vấn tâm lý cho các tổ chức, doanh nghiệp;
- Nhà tổ chức, điều phối hoạt động liên quan đến lĩnh vực tâm lý học lâm sàng.

PHẦN 2

ĐIỀU KIỆN VỀ CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO ĐỂ MỞ NGÀNH

2.1. Cơ sở xây dựng Chương trình đào tạo

2.1.1. Căn cứ cơ sở pháp lý

- Quyết định của Thủ tướng chính phủ số 621/QĐ-TTg ngày 26/4/2011 thành lập trường ĐH Nguyễn Tất Thành.
- Luật giáo dục đại học năm 2012 (sửa đổi, bổ sung năm 2018);
- Thông tư 25/TT-BGDĐT ngày 10/10/2017 ban hành danh mục giáo dục, đào tạo cấp IV trình độ thạc sĩ, tiến sĩ;
- Quyết định số 1982/QĐ-TTg của Bộ Giáo dục và Đào tạo ngày 18/10/2016 về việc phê duyệt khung trình độ quốc gia Việt Nam;
- Thông tư 17/2021/TT-BGDĐT của Bộ Giáo dục và Đào tạo ngày 22/6/2021 Quy định về chuẩn chương trình đào tạo; xây dựng, thẩm định và ban hành chương trình đào tạo các trình độ của giáo dục đại học;
- Thông tư số 23/2021/TT-BGDĐT ngày 30/8/2021 của Bộ trưởng Bộ GD&ĐT ban hành Quy chế tuyển sinh và đào tạo trình độ thạc sĩ;
- Thông tư số 02/2022/TT-BGDĐT ngày 18 tháng 01 năm 2022 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục & Đào tạo về việc quy định điều kiện, trình tự, thủ tục mở ngành đào tạo, đình chỉ hoạt động của ngành đào tạo trình độ đại học, thạc sĩ, tiến sĩ;
- Căn cứ thông tư số 12/2024/TT-BGDĐT ngày 10/10/2024 sửa đổi, bổ sung một số điều của thông tư số 02/2022/TT-BGDĐT ngày 18 tháng 01 năm 2022 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo quy định điều kiện, trình tự, thủ tục mở ngành đào tạo, đình chỉ hoạt động của ngành đào tạo trình độ đại học, thạc sĩ, tiến sĩ;
- Căn cứ Thông tư 09/2022/TT-BGDĐT ngày 06 tháng 06 năm 2022 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo quy định danh mục thống kê ngành đào tạo của giáo dục đại học;
- Căn cứ Quyết định số 569/QĐ-NTT ngày 10/5/2022 của Hiệu trưởng ban hành Quy chế tuyển sinh và đào tạo trình độ thạc sĩ của trường Đại học Nguyễn Tất Thành;

- Quyết định số 1474/QĐ-NTT, ngày 05/08/2025 của Hiệu trưởng ban hành Quy định mở ngành đào tạo, định chỉ hoạt động của ngành đào tạo trình độ đại học, thạc sĩ, tiến sĩ của Trường Đại học Nguyễn Tất Thành;
- Nghị Quyết của Hội đồng Trường số 31/NQ-HĐT ngày 15 tháng 07 năm 2025 về việc thông qua mở ngành Tâm lý học lâm sàng trình độ Thạc sĩ;
- Căn cứ Quyết định số 1334/QĐ-NTT ngày 15/07/2025 của Hiệu trưởng Trường Đại học Nguyễn Tất Thành về việc giao nhiệm vụ xây dựng đề án mở ngành Tâm lý học lâm sàng, mã ngành 8310402, trình độ Thạc sĩ;
- Chiến lược phát triển của Trường Đại học Nguyễn Tất Thành giai đoạn 2020-2025; tầm nhìn 2035.

2.1.2. Căn cứ vào tham khảo chương trình đào tạo

Khoa Tâm lý – Giáo dục đã tiến hành tham khảo và đối sánh chương trình đào tạo Thạc sĩ ngành Tâm lý học lâm sàng của Trường Đại học Nguyễn Tất Thành với bốn chương trình đào tạo uy tín trong và ngoài nước. Cụ thể:

Trong nước:

(1) Chương trình đào tạo ngành Tâm lý học lâm sàng của Trường Đại học Khoa học Xã hội & Nhân văn – Đại học Quốc gia Hà Nội.

(2) Chương trình đào tạo ngành Tâm lý học lâm sàng của Trường Đại học Khoa học Xã hội & Nhân văn – Đại học Quốc gia TP. Hồ Chí Minh.

Ngoài nước:

(3) Chương trình đào tạo Thạc sĩ Tâm lý học lâm sàng (Master of Psychology – Clinical Psychology) của Trường Đại học Melbourne, Úc.

(4) Chương trình đào tạo Thạc sĩ Tâm lý học lâm sàng (Master of Psychology – Clinical Psychology) của Trường Đại học Quốc gia Singapore.

Việc đối sánh này nhằm đảm bảo chương trình đào tạo Thạc sĩ ngành Tâm lý học lâm sàng tại Trường Đại học Nguyễn Tất Thành được xây dựng trên cơ sở tham chiếu các chuẩn đầu ra, cấu trúc chương trình và định hướng đào tạo tiên tiến, vừa phù hợp với bối cảnh trong nước, vừa tiệm cận các chuẩn mực quốc tế.

2.1.3. Căn cứ vào các khả năng đảm bảo chất lượng đào tạo

Cơ cấu tổ chức ĐBCL của Trường ĐH NTT được phân thành 3 cấp gồm: BGH, Phòng ĐBCL, Tổ ĐBCL ở các khoa và các đơn vị hỗ trợ đào tạo; trong đó Hội đồng ĐBCL giáo dục của Trường ĐH NTT sẽ giữ vai trò tư vấn và tham mưu cho BGH về chiến lược ĐBCL, chính sách, và Kế hoạch thực hiện ĐBCL.

Trường ĐH NTT sử dụng Bộ tiêu chuẩn chất lượng cấp Trường cũng như cấp CTĐT như là công cụ để thực hiện chuẩn hóa các hoạt động bên trong, tham gia kiểm định chất lượng để giải trình với xã hội về chất lượng của mình và làm cơ sở để cải tiến liên tục chất lượng, một số kết quả đã đạt được gồm:

*Về cơ sở giáo dục:

- Tháng 11/2016, Trường vinh dự trở thành một trong 03 trường Đại học đầu tiên của Việt Nam được tổ chức QS-Stars đánh giá 3 sao;
- Trường đã có: 09 chương trình đào tạo đạt chuẩn kiểm định của Bộ giáo dục và Đào tạo; 08 chương trình đào tạo đạt chuẩn kiểm định của Tổ chức mạng lưới các trường đại học Đông nam Á AUN-QA; 04 chương trình đào tạo đạt chuẩn của Hệ thống đối sánh chất lượng giáo dục đại học UPM;
- Tháng 10/2019, Trường ĐH NTT đạt chuẩn 4 sao của tổ chức QS Stars Anh Quốc;
- Tháng 8/2020, trường đạt giấy chứng nhận 4 sao theo Hệ thống đối sánh chất lượng giáo dục đại học (UPM);
- Trường đã được công nhận đạt chuẩn chất lượng cơ sở giáo dục (chu kỳ 1) theo Quyết định số 13/QĐ-TTKĐ ngày 03/5/2017 của Giám đốc trung tâm Kiểm định chất lượng giáo dục – Đại học Quốc Gia Thành Phố Hồ Chí Minh; và đạt chuẩn chất lượng cơ sở giáo dục đại học (chu kỳ 2) theo Quyết định số 470/QĐ-KĐCNCV ngày 15/7/2022 của Giám đốc trung tâm kiểm định chất lượng giáo dục - Trường Đại học Vinh;
- Đạt kiểm định chất lượng cơ sở giáo dục (tái kiểm định lần 2, đạt tỷ lệ 97.3%)
- Đạt chứng nhận QS Stars 4 sao

- Đạt chứng nhận UPM 5 sao
- Xếp hạng 291-300 theo Bảng xếp hạng QS Asia Rankings 2024
- Xếp hạng 301-400 theo Bảng xếp hạng THE Impact Rankings 2024
- Hiện nay, Trường ĐH NTT đã là thành viên liên kết của Mạng lưới các trường Đại học Đông Nam Á (ASEAN), thành viên của tổ chức CDIO quốc tế, và mạng lưới Tổ chức Đại học Pháp ngữ (AUF).

*Về chương trình đào tạo:

- Trường Đại học Nguyễn Tất thành có 33 chương trình đào tạo trình độ Đại học và 4 chương trình đào tạo trình độ Thạc sĩ;
- 07 chương trình đào tạo đã được tái kiểm định chu kỳ 2;
- 36 lượt chương trình đào tạo đạt kiểm định chất lượng theo Bộ tiêu chuẩn của Bộ Giáo dục và Đào tạo và 8 lượt đạt chất lượng đánh giá theo Bộ tiêu chuẩn của AUN-QA.
- 11 chương trình đào tạo gắn sao theo UPM.

Đặc biệt, chương trình đào tạo ngành Tâm lý học trình độ đại học đã đạt được giấy chứng nhận kiểm định chất lượng chương trình đào tạo được cấp bởi Giám đốc Trung tâm kiểm định chất lượng giáo dục – Đại học Quốc gia Thành phố Hồ Chí Minh ngày 19/07/2024

Khoa Tâm lý - Giáo dục hiện có đội ngũ giảng viên có trình độ chuyên môn cao, giàu kinh nghiệm thực tiễn, hoàn toàn đáp ứng được yêu cầu giảng dạy và đào tạo ở bậc sau đại học. Bên cạnh đó, còn có sự tham gia của các giảng viên có chuyên môn phù hợp từ các khoa, viện khác trong trường.

Nhà trường đồng thời có đầy đủ điều kiện về cơ sở vật chất cũng như đội ngũ giảng viên để triển khai chương trình đào tạo Thạc sĩ Tâm lý học lâm sàng, đảm bảo đáp ứng các tiêu chuẩn và quy định hiện hành của Bộ Giáo dục và Đào tạo.

2.2. Chương trình đào tạo

2.2.1. Tóm tắt chương trình đào tạo

Tên ngành đào tạo

+ Tên tiếng Anh: Clinical Psychology

+ Tên tiếng Việt: Tâm lý học lâm sàng

Trình độ đào tạo: Thạc sĩ – Bachelor 7

Định hướng đào tạo: ☒ Nghiên cứu ☐ Ứng dụng

Khóa học áp dụng: 2025

Thời gian đào tạo: 2 năm

Tên văn bằng tốt nghiệp: Thạc sĩ Tâm lý học lâm sàng

Đơn vị đào tạo:

+ Khoa Tâm lý - Giáo dục

+ Địa chỉ văn phòng: 298A - Nguyễn Tất Thành, Phường Xóm Chiếu, TP. Hồ Chí Minh và 331 Đỗ Mười, Phường An Phú Đông, TP. Hồ Chí Minh.

+ Điện thoại liên lạc: 1900 2039 (ext: 555)

2.2.2. Mục tiêu chung (Program general goals)

a) Mục tiêu chung

Chương trình đào tạo thạc sĩ Tâm lý học lâm sàng ứng dụng nhằm đào tạo các nhà chuyên môn có năng lực chuyên sâu trong lĩnh vực tâm lý học lâm sàng, có khả năng thực hành nghề nghiệp chuyên nghiệp, đáp ứng nhu cầu chăm sóc sức khỏe tâm thần trong xã hội hiện đại. Chương trình trang bị cho học viên kiến thức nền tảng vững chắc, kỹ năng thực hành tiên tiến, và năng lực nghiên cứu độc lập trong lĩnh vực tâm lý học lâm sàng, đồng thời phát triển tư duy phản biện, khả năng sáng tạo và đạo đức nghề nghiệp để có thể đảm nhận các vị trí công việc chuyên môn cao trong các cơ sở y tế, giáo dục và nghiên cứu.

b) Mục tiêu cụ thể

Sau khi tốt nghiệp, học viên có thể:

PEO1: Đào tạo các nhà tâm lý học lâm sàng, hành nghề chuyên nghiệp, có năng lực vận dụng tư duy sáng tạo, các kiến thức tâm lý học lâm sàng trong lĩnh vực nhận diện, đánh giá, giám sát, trị liệu các dạng thức tâm bệnh cho cộng đồng

PEO2: Có khả năng giải quyết các vấn đề thực tiễn phát hiện, sáng tạo trong tham vấn và trị liệu các tâm bệnh của con người trên nền tảng tâm lý học lâm sàng và dữ liệu khoa học hiện đại, vận dụng công nghệ AI trong lĩnh vực chuyên môn,

PEO3: Thể hiện khả năng thích nghi, trang bị kiến thức chuyên ngành, tự định hướng, đảm nhiệm công việc đảm bảo đạo đức nghề nghiệp, có trách nhiệm cao với chuyên môn nghiệp vụ và tiếp tục nghiên cứu ở trình độ tiến sĩ...

2.2.3. Chuẩn đầu ra của chương trình (PLOs)

Sau khi hoàn tất chương trình Thạc sĩ tâm lý học lâm sàng, học viên tốt nghiệp có thể:

Bảng 2.2.a. Chuẩn đầu ra của chương trình đào tạo

Đang 2.2.1a: Chuẩn đầu ra của chương trình đào tạo			
STT	Mã PLOs	Nội dung của PLOs	Nội dung PPCs của PLOs
Kiến thức (Knowledge-K)			
1	PLO1 (K1)	Có khả năng lĩnh hội kiến thức chung và phát triển chuyên môn trong lĩnh vực tâm lý học lâm sàng, cũng như phát triển cá nhân trong xã hội;	1.1. Phân tích các lý thuyết và nguyên lý cơ bản trong tâm lý học lâm sàng
			1.2. Phân tích chuyên sâu về tâm bệnh học và các rối loạn tâm lý
			1.3. Phân tích các phương pháp đánh giá và can thiệp tâm lý
2	PLO2 (K2)	Có khả năng nhận định, đánh giá về các chuyên ngành trong tâm lý học lâm sàng, bao gồm đánh giá, định hình trường hợp và trị liệu tâm lý;	2.1. Vận dụng các phương pháp nghiên cứu khoa học tiên tiến trong tâm lý học lâm sàng
			2.2. Thực hiện nghiên cứu độc lập trong lĩnh vực tâm lý học lâm sàng
			2.3. Phát triển kiến thức mới và đề xuất cải tiến thực hành nghề nghiệp
3	PLO3 (K3)	Có khả năng phân tích, tổng hợp các mô hình can thiệp dựa vào cơ sở khoa học của tâm lý học lâm sàng và biết vận dụng phương pháp nghiên cứu khoa học nâng cao tính ứng dụng trong thực tiễn;	3.1. Tích hợp kiến thức y học và sinh học trong thực hành tâm lý lâm sàng
			3.2. Vận dụng kiến thức xã hội học và văn hóa trong can thiệp tâm lý
			3.3. Ứng dụng công nghệ thông tin trong nghiên cứu và thực hành tâm lý học lâm sàng
Kỹ năng (Skills-S)			
4	PLO4 (S1)	Có kỹ năng đánh giá lâm sàng, chẩn đoán, định hình trường hợp và trị liệu tâm lý cho cá nhân, nhóm đa dạng trong xã hội, đảm bảo nguyên tắc đạo đức và tính	4.1. Thực hiện chẩn đoán và đánh giá tâm lý lâm sàng theo tiêu chuẩn chuyên môn
			4.2. Áp dụng các phương pháp can thiệp tâm lý dựa trên bằng chứng

		bảo nguyên tắc đạo đức và tính chuyên nghiệp;	4.3. Điều chỉnh can thiệp phù hợp với đặc điểm cá nhân và văn hóa của thân chủ
5	PLO5 (S2)	Có khả năng xây dựng kế hoạch chiến lược giám sát, quản lý quy trình can thiệp tại hệ thống khám chữa bệnh, trường học và cộng đồng;	5.1. Phân tích và tổng hợp dữ liệu nghiên cứu trong tâm lý học lâm sàng 5.2. Đánh giá và diễn giải kết quả nghiên cứu một cách khoa học 5.3. Đề xuất giải pháp sáng tạo dựa trên kết quả nghiên cứu
6	PLO6 (S3)	Có khả năng giao tiếp với các chuyên gia sức khỏe tâm thần, về chuyên môn nghiệp vụ và tổ chức hoạt động trong lĩnh vực lâm sàng;	6.1. Truyền đạt kiến thức chuyên môn cho các đối tượng khác nhau 6.2. Sử dụng hiệu quả công nghệ thông tin trong truyền thông chuyên môn 6.3. Ứng dụng ngoại ngữ trong giao tiếp chuyên môn và nghiên cứu
7	PLO7 (S4)	Có khả năng lập kế hoạch và thiết kế triển khai đề tài nghiên cứu khoa học;	7.1. Thể hiện khả năng làm việc độc lập trong môi trường chuyên môn 7.2. Lãnh đạo nhóm và điều phối công việc hiệu quả 7.3. Lập kế hoạch và triển khai đề tài NCKH khả thi
Năng lực tự chủ và trách nhiệm (Autonomy and Responsibility-A)			
8	PLO8 (A1)	Chủ động nghiên cứu, đưa ra được những sáng kiến quan trọng, những kết luận mang tính chuyên gia trong lĩnh vực tâm lý lâm sàng. Tự chịu trách nhiệm với các quyết định của bản thân trong việc xây dựng, định hướng can thiệp và hỗ trợ người có rối nhiễu tâm lý và quản lý hồ sơ tâm lý;	8.1. Tuân thủ đạo đức nghề nghiệp và đảm bảo quyền lợi thân chủ 8.2. Thể hiện trách nhiệm xã hội trong thực hành nghề nghiệp 8.3. Dẫn dắt chuyên môn và đề xuất giải pháp sáng tạo
9	PLO9 (A2)	Thích nghi linh hoạt, tự định hướng, thực hiện và hướng dẫn được người khác rèn luyện và phát huy các phẩm chất đạo đức cá nhân, đạo đức nghề nghiệp và đạo đức xã hội. Tuân thủ các quy tắc đạo đức nghề nghiệp và những văn đề pháp luật; quản lý, đánh giá và cải tiến các hoạt động chuyên môn trong lĩnh vực tâm lý lâm sàng.	9.1. Có khả năng thích nghi, linh hoạt trong các tình huống cụ thể cần giải quyết 9.2. Có đạo đức cốt lõi trong trị liệu cũng như trong nghiên cứu, đảm bảo các quy điều đạo đức trong quy trình làm việc với thân chủ 9.3. Thực hiện chuyên môn đảm bảo các quy định pháp luật, nhằm hỗ trợ cộng đồng thụ hưởng các thành tựu khoa học theo quy định pháp luật

2.2.4. Tóm tắt các khối lượng kiến thức

Tổng số tín chỉ phải tích lũy: 60 tín chỉ, trong đó

I. Khối kiến thức chung: **6** tín chỉ

II. Khối kiến thức cơ sở ngành và chuyên ngành: **30** tín chỉ

+ *Bắt buộc: 24 tín chỉ*

+ *Tự chọn: 6/12 tín chỉ*

III. Các học phần tự chọn chuyên sâu và luận văn: **24** tín chỉ

+ *Các học phần tự chọn chuyên sâu: 12 tín chỉ*

+ *Luận văn: 12 tín chỉ*

2.2.5. Các học phần bổ sung kiến thức

Bảng 2.2.b. Danh mục các học phần bổ sung kiến thức

STT	Các học phần bổ sung kiến thức	Số tín chỉ
1	Tâm lý học đại cương	2
2	Tâm lý học lâm sàng	2
3	Tham vấn tâm lý	2
4	Tâm bệnh học	2
5	Chẩn đoán tâm lý	2
	Tổng số tín chỉ	10

2.2.6. Danh mục các học phần trong chương trình đào tạo

Bảng 2.2.c. Danh mục các học phần trong chương trình đào tạo

STT	Mã học phần	Tên học phần	Khối lượng (tín chỉ)		
			Tổng số	Lý thuyết	Thực hành
I	Khối kiến thức chung		6	6	0
1	073318	Triết học <i>Philosophy</i>	3	3	0
2	079649	AI trong sức khỏe tâm thần toàn cầu <i>AI in Global mental health</i>	3	1	2

II	Khối kiến thức cơ sở ngành và chuyên ngành (<i>Foundation and Specialized Knowledge Block</i>)		30		
Các học phần bắt buộc (<i>Compulsory Courses</i>)			24		
3	079650	Tâm bệnh học nâng cao <i>Advanced Psychopathology</i>	3	1	2
4	079651	Tâm lý học sức khỏe <i>Health Psychology</i>	3	1	2
5	079652	Đo lường và đánh giá trong tâm lý học <i>Measurement and Evaluation in Psychology</i>	3	2	1
6	079653	Phương pháp nghiên cứu khoa học tâm lý lâm sàng <i>Research Methods in Clinical Psychology</i>	3	2	1
7	079654	Định hình trường hợp trong tâm lý học lâm sàng <i>Case Formulation in Clinical Psychology</i>	3	1	2
8	079655	Điều trị các vấn đề hướng nội <i>Treatment of internalizing problems</i>	3	1	2
9	079656	Điều trị các vấn đề hướng ngoại <i>Treatment of externalizing problems</i>	3	1	2
10	079657	Thực hành tâm lý học lâm sàng 1 <i>Clinical Psychology Practicum 1</i>	3	1	2
Các học phần tự chọn (<i>Elective Courses</i>)			6/12		
11	079658	Ứng dụng AI trong thống kê tâm lý học <i>Applications of AI in</i>	3	2	1

		<i>Psychological Statistics</i>			
12	079659	Tâm lý học lâm sàng <i>Clinical Psychology</i>	3	2	1
13	079660	Các trường phái tâm lý trong can thiệp trị liệu <i>Major Approaches to Psychotherapeutic Intervention</i>	3	2	1
14	079661	Thực hành tâm lý học lâm sàng 2 <i>Clinical Psychology Practicum 2</i>	3	1	2
III	Các học phần tự chọn chuyên sâu và Luận văn tốt nghiệp		24		
Các học phần tự chọn chuyên sâu			Chọn 12/24		
15	079662	Đánh giá và can thiệp phổ tự kỷ <i>Assessment and intervention for autism spectrum disorder</i>	3	1	2
16	079663	Can thiệp và rối loạn nghiện <i>Intervention and addictive disorders</i>	3	1	2
17	079664	Triệu chứng học và trị liệu dược lý cho rối loạn tâm thần <i>Symptomatology and Pharmacological Treatments for Mental Disorders</i>	3	2	1
18	079665	Liệu pháp CBT chuyên sâu <i>Advanced Cognitive-Behavioral Therapy (CBT)</i>	3	1	2
19	079667	Liệu pháp chánh niệm <i>Mindfulness-Based</i>	3	1	2

		<i>Therapies</i>			
20	079668	Liệu pháp nghệ thuật <i>Art Therapy</i>	3	1	2
21	079669	Đạo đức nghề tâm lý học lâm sàng <i>Professional Ethics in Clinical Psychology</i>	3	1	2
22	080016	Can thiệp cho trẻ tăng động giảm chú ý <i>Interventions for ADHD</i>	3	1	2
Luận văn tốt nghiệp			12		
23	080017	Luận văn thạc sĩ <i>Master Thesis</i>	12	0	12
Tổng cộng			60		

2.2.7. Phân bổ tiến độ giảng dạy các học phần dự kiến

Bảng 2.2.d. Kế hoạch học tập, nghiên cứu toàn khóa của học viên

STT	MÃ SỐ	TÊN HỌC PHẦN	Tín chỉ	Số giờ			Phương pháp giảng dạy	Phương pháp kiểm tra đánh giá
				LT	TH	Tự học		
HỌC KỲ 1			12					
1	073318	Triết học <i>Philosophy</i>	3	45	0	145	Phương pháp dạy học tích cực	Tiểu luận (TL)
2	079649	AI trong sức khỏe tâm thần toàn cầu <i>AI in Global mental health</i>	3	15	60	75	Phương pháp dạy học tích cực	(Bài tập trắc nghiệm)
3	079650	Tâm bệnh học nâng cao <i>Advanced Psychopathology</i>	3	15	60	75	Phương pháp thực hành	(TL)

STT	MÃ SỐ	TÊN HỌC PHẦN	Tín chỉ	Số giờ			Phương pháp giảng dạy	Phương pháp kiểm tra đánh giá
				LT	TH	Tự học		
4	079651	Tâm lý học sức khỏe Health Psychology	3	15	60	75	Phương pháp thực hành	(Kiểm tra tự luận)
HỌC KỲ 2								
Bắt buộc								
5	079652	Đo lường và đánh giá trong tâm lý học <i>Measurement and Evaluation in psychology</i>	3	30	30	90	Phương pháp Trắc nghiệm	(Bài tập trắc nghiệm)
6	079653	Phương pháp nghiên cứu khoa học tâm lý lâm sàng <i>Research Methods in Clinical Psychology</i>	3	30	30	90	Phương pháp dạy học tích cực	(Kiểm tra tự luận)
7	079654	Định hình trường hợp trong tâm lý học lâm sàng <i>Case Formulation in Clinical Psychology</i>	3	15	60	75	Phương pháp thực hành	(TL)
8	079655	Điều trị các vấn đề hướng nội <i>Treatment of internalizing problems</i>	3	15	60	75	Phương pháp thực hành	(TL)
HỌC KỲ 3								
Bắt buộc								
9	079656	Điều trị các vấn đề hướng ngoại <i>Treatment of externalizing</i>	3	15	60	75	Phương pháp thực	(TL)

STT	MÃ SỐ	TÊN HỌC PHẦN	Tín chỉ	Số giờ			Phương pháp giảng dạy	Phương pháp kiểm tra đánh giá
				LT	TH	Tự học		
		<i>problems</i>					hành	
10	079657	Thực hành tâm lý học lâm sàng 1 <i>Clinical Psychology Practicum 1</i>	3	15	60	75	Phương pháp thực hành	(TL)
Tự chọn (chọn 2 trong 4 học phần)								
11	079658	Ứng dụng AI trong thống kê tâm lý học <i>Applications of AI in Psychological Statistics</i>	3	30	30	90	Phương pháp thực hành	(Kiểm tra tự luận)
12	079661	Thực hành tâm lý học lâm sàng 2 <i>Clinical Psychology Practicum 2</i>	3	15	60	75	Phương pháp thực hành	(TL)
13	079659	Tâm lý học lâm sàng <i>Clinical Psychology</i>	3	30	30	90		
14	079660	Các trường phái tâm lý trong can thiệp trị liệu <i>Major Approaches to Psychotherapeutic Intervention</i>	3	30	30	90		
HỌC KỲ 4								
Tự chọn								
15	079664	Triệu chứng học và trị liệu được lý cho rối loạn tâm thần <i>Symptomatology and</i>	3	30	30	90	GV định hướng nghiên cứu chuyên đề	HV báo cáo kết quả chuyên đề

STT	MÃ SỐ	TÊN HỌC PHẦN	Tín chỉ	Số giờ			Phương pháp giảng dạy	Phương pháp kiểm tra đánh giá
				LT	TH	Tự học		
		<i>Pharmacological Treatments for Mental Disorders</i>						
16	079665	Liệu pháp CBT chuyên sâu <i>Advanced Cognitive-Behavioral Therapy (CBT</i>	3	15	60	75	GV định hướng nghiên cứu chuyên đề	HV báo cáo kết quả chuyên đề
17	079667	Liệu pháp chánh niệm <i>Mindfulness-Based Therapies</i>	3	15	60	75	GV định hướng nghiên cứu chuyên đề	HV báo cáo kết quả chuyên đề
18	079668	Liệu pháp nghệ thuật <i>Art Therapy</i>	3	15	60	75		
19	079662	Đánh giá và can thiệp phổ tự kỷ <i>Assessment and intervention for autism spectrum disorder</i>	3	15	60	75	GV định hướng nghiên cứu chuyên đề	HV báo cáo kết quả chuyên đề
20	079663	Can thiệp và rối loạn nghiện <i>Intervention and addictive disorders</i>	3	15	60	75	GV định hướng nghiên cứu chuyên đề	HV báo cáo kết quả chuyên đề
21	079669	Đạo đức nghề tâm lý học lâm sàng <i>Professional Ethics in Clinical Psychology</i>	3	15	60	75	GV định hướng nghiên cứu chuyên đề	HV báo cáo kết quả chuyên đề
22	080016	Can thiệp cho trẻ tăng động giảm	3	15	60	75	GV định	HV báo cáo

STT	MÃ SỐ	TÊN HỌC PHẦN	Tín chỉ	Số giờ			Phương pháp giảng dạy	Phương pháp kiểm tra đánh giá
				LT	TH	Tự học		
		chú ý <i>Interventions for ADHD</i>					hướng nghiên cứu chuyên đề	kết quả chuyên đề
Giao đề cương cho học viên								
HỌC KỲ 5								
	Bảo vệ đề cương							
	Triển khai luận văn							
HỌC KỲ 6								
23	080017	Luận văn Thạc sĩ Master Thesis	12	0	540	60		
Hội đồng xét tốt nghiệp và cấp bằng								
TỔNG			60					

PHẦN 3
ĐỘI NGŨ GIẢNG VIÊN, CÁN BỘ KHOA HỌC ĐỂ MỞ NGÀNH

3.1. Đội ngũ giảng viên đầu ngành

Danh sách đội ngũ giảng viên đầu ngành tham gia giảng dạy các học phần trong chương trình đào tạo ngành Tâm lý học lâm sàng, trình độ thạc sĩ

Bảng 3.1. Danh sách giảng viên đầu ngành.

STT	Họ và tên, ngày sinh	Số CMND, CCCD hoặc Hộ chiếu; Quốc tịch	Chức danh học, năm phong	Trình độ, nước, năm tốt nghiệp	Ngành đào tạo ghi theo văn bằng tốt nghiệp	Tuyển dụng/hợp đồng từ 12 tháng trở lên làm việc toàn thời gian, hợp đồng thỉnh giảng, ngày ký; thời gian; gồm cả dự kiến		Mã số bảo hiểm	Kinh nghiệm SDH (thời gian) giảng dạy theo trình độ (năm)	Số công trình khoa học đã công bố: cấp		Ký tên
						Tuyển dụng	Hợp đồng			Bộ	Cơ sở	
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)	(11)	(12)	(13)
1	Huỳnh Văn Chấn 30/12/1966	083066015170, Việt Nam	PGS, 2023	Tiến Sĩ, Việt Nam, 2014	Tâm lý học	08/04/2025	Hợp đồng xác định thời hạn 36 tháng	5596014606	12	6	1	
2	Vũ Xuân Hường	036078001857, Việt Nam		Tiến sĩ, Úc, 2015	Tâm lý – Giáo dục	15/03/2024	Hợp đồng xác định	9401004269	10		1	

STT	Họ và tên, ngày sinh	Số CMND, CCCD hoặc Hộ chiếu; Quốc tịch	Chức danh khoa học, năm phong	Trình độ, nước, năm tốt nghiệp	Ngành đào tạo ghi theo văn bằng tốt nghiệp	Tuyển dụng/hợp đồng từ 12 tháng trở lên làm việc toàn thời gian, hợp đồng thỉnh giảng, ngày ký; thời gian; gồm cả dự kiến		Mã số bảo hiểm	Kinh nghiệm SDH (thời gian) giảng dạy theo trình độ (năm)	Số công trình khoa học đã công bố: cấp		Ký tên
						Tuyển dụng	Hợp đồng			Bộ	Cơ sở	
							thời hạn 36 tháng					
3	Lê Thị Hằng	042186010513. Việt Nam		Tiến sĩ, Việt Nam, 2014	Tâm lý học	02/03/2015	Hợp đồng không xác định thời hạn		1		1	
4	Nguyễn Tấn Đạt	079096032035. Việt Nam		Tiến sĩ, Nhật Bản, 2024	Khoa học Thần kinh (Tâm lý)	03/03/2025	Hợp đồng xác định thời hạn 36 tháng		2			
5	Nguyễn Thị Mỹ Trinh	040167000042, Việt Nam	PGS, 2009	Tiến sĩ, Việt Nam, 2004	Tâm lý học	24/02/2025	Hợp đồng xác định thời hạn 36 tháng		21	5	4	

3.2. Danh sách giảng viên cơ hữu

Danh sách giảng viên cơ hữu tham gia giảng dạy các học phần trong chương trình đào tạo ngành Tâm lý học lâm sàng, trình độ thạc sĩ

Bảng 3.2. Danh sách giảng viên cơ hữu mở ngành.

STT	Họ và tên, ngày sinh	Số CMND, CCCD hoặc Hộ chiếu; Quốc tịch	Chức danh khoa học, năm phong	Trình độ, nước, năm tốt nghiệp	Ngành đào tạo ghi theo văn bằng tốt nghiệp	Tuyển dụng/hợp đồng từ 12 tháng trở lên làm việc toàn thời gian, hợp đồng thỉnh giảng, ngày ký; thời gian; gồm cả dự kiến		Mã số bảo hiểm	Kinh nghiệm SDH (thời gian) giảng dạy theo trình độ (năm)	Số công trình khoa học đã công bố: cấp		Ký tên
						Tuyển dụng	Hợp đồng			Bộ	Cơ sở	
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)	(11)	(12)	(13)
1	Huỳnh Văn Chấn 30/12/1966	083066015170, Việt Nam	Phó Giáo sư, 2023	Tiến Sĩ, Việt Nam 2014	- Tâm lý học	08/04/2025	Hợp đồng xác định thời hạn 36 tháng		12	6	1	
2	Vũ Xuân Hường 05/05/1978	036078001857, Việt Nam		Tiến sĩ, Úc, 2015	Tâm lý – Giáo dục	15/03/2024	Hợp đồng xác định thời hạn 36 tháng		10		1	

STT	Họ và tên, ngày sinh	Số CMND, CCCD hoặc Hộ chiếu; Quốc tịch	Chức danh khoa học, năm phong	Trình độ, nước, năm tốt nghiệp	Ngành đào tạo ghi theo văn bằng tốt nghiệp	Tuyển dụng/hợp đồng từ 12 tháng trở lên làm việc toàn thời gian, hợp đồng thỉnh giảng, ngày ký; thời gian; gồm cả dự kiến		Mã số bảo hiểm	Kinh nghiệm SĐH (thời gian) giảng dạy theo trình độ (năm)	Số công trình khoa học đã công bố: cấp		Ký tên
						Tuyển dụng	Hợp đồng			Bộ	Cơ sở	
3	Lê Thị Hằng 06/02/1986	042186010513. Việt Nam		Tiến sĩ, Việt Nam, 2014	Tâm lý học	02/03/2015	Hợp đồng không định thời hạn		16			
4	Nguyễn Tấn Đạt 23/04/1996	079096032035. Việt Nam		Tiến sĩ, Nhật Bản, 2024	Khoa học Thần kinh	03/03/2025	Hợp đồng xác định thời hạn 36 tháng		4			
5	Nguyễn Thị Mỹ Trinh 21/10/1967	040167000042, Việt Nam	PGS, 2009	Tiến sĩ, Việt Nam, 2004	Tâm lý học	24/02/2025	Hợp đồng xác định thời hạn 36 tháng		31	5	4	
6	Ngô Văn Cẩm 27/11/1961	022061002716, Việt Nam		Tiến sĩ, Việt Nam, 2014	Giáo dục học – Lãnh đạo Giáo dục đại học	23/06/2025	Hợp đồng xác định thời hạn 12 tháng		18			

STT	Họ và tên, ngày sinh	Số CMND, CCCD hoặc Hộ chiếu; Quốc tịch	Chức danh khoa học, năm phong	Trình độ, nước, năm tốt nghiệp	Ngành đào tạo ghi theo văn bằng tốt nghiệp	Tuyển dụng/hợp đồng từ 12 tháng trở lên làm việc toàn thời gian, hợp đồng thỉnh giảng, ngày ký; thời gian; gồm cả dự kiến		Mã số bảo hiểm	Kinh nghiệm SDH (thời gian) giảng dạy theo trình độ (năm)	Số công trình khoa học đã công bố; cấp		Ký tên
						Tuyển dụng	Hợp đồng			Bộ	Cơ sở	
7	Nguyễn Chí Tăng 10/12/1958	036058001772 Việt Nam		Tiến sĩ, Việt Nam, 2012	Tâm lý học	23/11/2024	Hợp đồng xác định thời hạn 12 tháng		20			
8	Nguyễn Thuý Hồng 24/03/1963	030163009921, Việt Nam		Tiến sĩ, Việt Nam, 1995	Ngữ Văn	23/06/2025	Hợp đồng xác định thời hạn 12 tháng		42			
9	Lê Văn Chín 27/07/1959	083059008774, Việt Nam		Tiến sĩ, Việt Nam, 2013	Quản lý Giáo dục	19/07/2021	Hợp đồng xác định thời hạn 12 tháng		19			
10	Bùi Thị Việt 24/06/1961	040161001409, Việt Nam		Tiến Sĩ, Liên Bang Nga, 2006	Sư phạm - Giáo dục	19/07/2021	Hợp đồng xác định thời hạn 36 tháng		41	5	19	

STT	Họ và tên, ngày sinh	Số CMND, CCCD hoặc Hộ chiếu; Quốc tịch	Chức danh khoa học, năm phong	Trình độ, nước, năm tốt nghiệp	Ngành đào tạo ghi theo văn bằng tốt nghiệp	Tuyển dụng/hợp đồng từ 12 tháng trở lên làm việc toàn thời gian, hợp đồng thỉnh giảng, ngày ký; thời gian; gồm cả dự kiến			Mã số bảo hiểm	Kinh nghiệm SDH (thời gian) giảng dạy theo trình độ (năm)	Số công trình khoa học đã công bố: cấp		Ký tên
						Tuyển dụng	Hợp đồng				Bộ	Cơ sở	
11	Nguyễn Lan Phương 04/06/1981	079181000122, Việt Nam	PGS, 2024	Tiến Sĩ, Việt Nam, 2016	Quản lý giáo dục -	01/01/2011	Hợp đồng không xác định thời hạn			15			

3.3. Lộ trình phân công giảng viên

Bảng 3.3. Lộ trình phân công giảng viên.

STT	Họ và tên	Học phần/môn học giảng dạy	Thời gian giảng dạy (học kỳ, năm học)	Số tín chỉ				Giảng viên cơ hữu ngành phù hợp chủ trì xây dựng, thực hiện chương trình/chuyên môn phù chủ trì giảng dạy/hướng dẫn luận văn, luận án
				Bắt buộc		Tự chọn		
				Học trực tiếp	Học trực tuyến	Học trực tiếp	Học trực tuyến	
1	GV thỉnh giảng	Triết học	Học kỳ 1, Năm 1	X				

STT	Họ và tên	Học phần/môn học giảng dạy	Thời gian giảng dạy (học kỳ, năm học)	Số tín chỉ				Giảng viên cơ hữu ngành phù hợp chủ trì xây dựng, thực hiện chương trình/chuyên môn phù chủ trì giảng dạy/hướng dẫn luận văn, luận án	
				Bắt buộc		Tự chọn			
				Học trực tiếp	Học trực tuyến	Học trực tiếp	Học trực tuyến		
		Ứng dụng AI trong thống kê TLH	Học kỳ 3, Năm 1			X			Giảng viên cơ hữu chủ trì xây dựng, thực hiện chương trình đào tạo
2	Huỳnh Văn Chấn	Tâm lý học sức khoẻ	Học kỳ 1, Năm 1	X					
		Thực hành TLHLS 1	Học kỳ 3, Năm 1	X					
		Điều trị các vấn đề hướng nội	Học kỳ 2, Năm 1	X					
		Điều trị các vấn đề hướng ngoại	Học kỳ 3, Năm 1	X					
		Đo lường và đánh giá trong TLH	Học kỳ 2, Năm 1	X					Giảng viên cơ hữu chủ trì xây dựng, thực hiện chương trình
3	Vũ Xuân Hường	Tâm bệnh học nâng cao	Học kỳ 1, Năm 1	X					

STT	Họ và tên	Học phần/môn học giảng dạy	Thời gian giảng dạy (học kỳ, năm học)	Số tín chỉ				Giảng viên cơ hữu ngành phù hợp chủ trì xây dựng, thực hiện chương trình/chuyên môn phù chủ trì giảng dạy/hướng dẫn luận văn, luận án
				Bắt buộc		Tự chọn		
				Học trực tiếp	Học trực tuyến	Học trực tiếp	Học trực tuyến	
		Định hình trường hợp trong TLHLS	Học kỳ 2, Năm 1	X				đào tạo
		Liệu pháp CBT chuyên sâu	Học kỳ 4, Năm 2			X		
4	Lê Thị Hằng	Phương pháp nghiên cứu khoa học tâm lý lâm sàng	Học kỳ 2, Năm 1	X				Giảng viên cơ hữu chủ trì xây dựng, thực hiện chương trình đào tạo
		Thực hành tâm lý lâm sàng 2	Học kỳ 3, Năm 1			X		
5	Nguyễn Tấn Đạt	AI trong sức khoẻ tâm thần toàn cầu	Học kỳ 1, Năm 1	X				Giảng viên cơ hữu chủ trì xây dựng, thực hiện chương trình đào tạo
		Triệu chứng học và trị liệu dược lý cho rối loạn tâm thần	Học kỳ 4, Năm 2			X		
6	Nguyễn Thị Mỹ Trinh	Liệu pháp chánh niệm	Học kỳ 4, Năm 2			X		Giảng viên cơ hữu thực hiện chương trình đào tạo

STT	Họ và tên	Học phần/môn học giảng dạy	Thời gian giảng dạy (học kỳ, năm học)	Số tín chỉ				Giảng viên cơ hữu ngành phù hợp chủ trì xây dựng, thực hiện chương trình/chuyên môn phù chủ trì giảng dạy/hướng dẫn luận văn, luận án
				Bắt buộc		Tự chọn		
				Học trực tiếp	Học trực tuyển	Học trực tiếp	Học trực tuyển	
		Liệu pháp nghệ thuật	Học kỳ 4, Năm 2			X		

PHẦN 4

ĐIỀU KIỆN VỀ CƠ SỞ VẬT CHẤT MỞ NGÀNH

Trường Đại học Nguyễn Tất Thành sở hữu cơ sở vật chất đa dạng và đầy đủ, đáp ứng tốt các yêu cầu của chuẩn chương trình đào tạo. Nhà trường trang bị đầy đủ các phòng chức năng như giảng đường, phòng máy tính, phòng thực hành và phòng thí nghiệm. Thông tin chi tiết về trường được cập nhật đầy đủ trên cổng thông tin điện tử chính thức tại địa chỉ <http://www.ntt.edu.vn>.

Khoa Tâm lý - Giáo dục của trường có hai văn phòng chính, một tại 298A - Nguyễn Tất Thành, Phường Xóm Chiếu, TP. Hồ Chí Minh và 331 Đỗ Mười, Phường An Phú Đông, TP. Hồ Chí Minh. Cả hai văn phòng đều được trang bị hiện đại với máy vi tính kết nối internet, máy in, máy lạnh, wifi và máy chiếu, đảm bảo hiệu quả cao trong công tác quản lý đào tạo. Đặc biệt, tại cơ sở An Phú Đông, trường còn bố trí các hội trường rộng rãi với trang thiết bị đầy đủ như máy lạnh, máy chiếu, hệ thống âm thanh, cùng không gian được cách âm chuyên nghiệp. Những không gian này lý tưởng cho việc tổ chức hội thảo khoa học, chuyên đề và các hoạt động của câu lạc bộ Tâm lý học thuộc Khoa.

Hệ thống phòng học của trường được thiết kế và trang bị kỹ lưỡng. Mỗi phòng đều có hệ thống âm thanh, đèn chiếu và máy lạnh hiện đại. Nhà trường cũng cung cấp sơ đồ chi tiết về vị trí các phòng làm việc, phòng học, phòng thực hành và các phòng chức năng khác, giúp sinh viên/học viên và giảng viên dễ dàng định hướng. Đáng chú ý, một số phòng học được thiết kế đặc biệt theo mô hình học tập nhóm, tạo môi trường lý tưởng cho các buổi thảo luận và seminar. Tất cả những yếu tố này đều nhằm mục đích tạo ra môi trường học tập tối ưu, đáp ứng đầy đủ nhu cầu đa dạng của người học và nâng cao chất lượng đào tạo của nhà trường.

Bảng 4. Diện tích sàn xây dựng phục vụ đào tạo của Trường và các cơ sở Thực hành ngoài trường

STT	Tên, địa chỉ cơ sở	Diện tích sàn (m ²)
1	Cơ sở 300A (Trụ sở chính)	8.634
2	Cơ sở 298A	10.249

3	Cơ sở Nguyễn Oanh	1.297
4	Cơ sở 331A - An Phú Đông	30.878
5	Cơ sở 331B - An Phú Đông	36.041
6	Cơ sở 1165 - An Phú Đông	12.639
7	Cơ sở Nguyễn Hữu Thọ	21.492
8	Cơ sở bệnh viện nhi đồng II	144
9	Cơ sở Võ Thị Thừa	8.445
10	Cơ sở Bệnh viện Quân y 175	4.564
11	Cơ sở Bệnh viện 1A	546
12	Cơ sở Nguyễn Lương Bằng	332,1
13	Cơ sở Hoàng Diệu	360,19
14	Trung tâm thực nghiệm tại Ấp Mây Đẳng	9.283
15	Trung tâm phát triển CNC ĐH Nguyễn Tất Thành	41.299

4.1. Phòng học, giảng đường, trang thiết bị hỗ trợ giảng dạy và thực hành tại Trường

Bảng 4.1. Danh sách phòng học, giảng đường, trang thiết bị hỗ trợ giảng dạy và thực hành

STT	Hạng mục	Số lượng	Diện tích sàn xây dựng (m ²)	Học phần/ môn học	Thời gian sử dụng (học kỳ, năm học)	Ghi chú
1	Hội trường, giảng đường, phòng học các loại, phòng đa năng, phòng làm việc của giáo sư, phó giáo sư, giảng viên cơ hữu	1.037	79.249 m ²	Môn đại cương	Học kỳ 1, năm thứ 1	
1.1	Hội trường, phòng học lớn trên 200 chỗ	7	4.218 m ²	Môn đại cương	Học kỳ 1, năm thứ 1	

STT	Hạng mục	Số lượng	Diện tích sàn xây dựng (m ²)	Học phần/ môn học	Thời gian sử dụng (học kỳ, năm học)	Ghi chú
1.2	Phòng học từ 100 - 200 chỗ	37	6.057 m ²	Môn đại cương	Học kỳ 1, năm thứ 1	
1.3	Phòng học từ 50 - 100 chỗ	617	50.811	HP đại cương	Học kỳ 1, năm thứ 1	
1.4	Số phòng học dưới 50 chỗ	203	9.050	HP chuyên ngành	Tất cả các học kỳ	
1.5	Số phòng học đa phương tiện	54	4.283	HP chuyên ngành	Học kỳ 3, năm thứ 1	
1.6	Phòng làm việc của giáo sư, phó giáo sư, giảng viên toàn thời gian	136	5.253	Làm việc	Tất cả các học kỳ	
2	Thư viện, trung tâm học liệu	7	4.095	Tra cứu tài liệu	Tất cả các Học kỳ	
3	Trung tâm nghiên cứu, phòng thí nghiệm, thực nghiệm, cơ sở thực hành, thực tập, luyện tập	514	58.271	HP chuyên ngành	Tất cả các học kỳ	

4.2. Phần mềm đào tạo hỗ trợ học tập, nghiên cứu

Bảng 4.2. Phần mềm đào tạo sử dụng cho ngành Tâm lý học lâm sàng

TT	Tên phần mềm	Học phần sử dụng
1	Microsoft Windows	Các học phần yêu cầu tiểu luận, thuyết trình nhóm, dự án...
2	Microsoft Word	
3	Microsoft Power Point	
4	Microsoft Excel	
5	BM SPSS 22.0	Luận văn tốt nghiệp
6	E-Learning (LMS, LCMS)	Quản lý Dạy và Học trực tuyến tại trường

Bảng 4.2.1. Trung tâm nghiên cứu, phòng thí nghiệm, thực nghiệm, cơ sở thực hành, thực tập, luyện tập

Danh mục hỗ trợ nghiên cứu, thí nghiệm, thực nghiệm, thực hành, thực tập, luyện tập			
STT	Tên gọi máy, thiết bị, ký hiệu và mục đích sử dụng	Số lượng	Đơn vị
1	Máy chiếu các loại	622	cái
2	Màn chiếu treo tường	352	cái
3	Bàn NTT chân sắt sơn tĩnh điện	8 953	cái
4	Ghế NTT chân sắt sơn tĩnh điện	16 356	cái
5	Máy lạnh	1 478	Bộ
6	CPU máy vi tính	726	Bộ
7	Màn hình vi tính	1 040	cái
8	Quạt các loại	598	cái
9	Bàn thực hành	349	cái
10	Bàn ghế giáo viên	301	cái
11	Bảng dạy học	672	cái
12	Hệ thống âm thanh (Amplify + loa + mic)	222	Bộ

4.3. Cơ sở thực tập

Bảng 4.3. Danh mục các cơ sở thực tập

STT	Tên đơn vị	Người đại diện	Chức vụ	Địa chỉ
1	Viện Tâm lý Sunnycare và học viện Mettasoul	TS. Đặng Thị Phương	Giám đốc	Landmark Plus, 208 Nguyễn Hữu Cánh, P22, Bình Thạnh, TPHCM, Việt Nam
2	Trung tâm can thiệp sớm – Giáo dục hòa nhập Nhân Hòa	ThS. Nguyễn Thị Thu	Giám đốc	Số 16, đường số 18, phường 8, Gò Vấp, TpHCM
3	Trung Tâm hỗ trợ phát triển giáo dục hòa nhập Thiên Thần	ThS. Bùi Ngát Hương	Giám đốc	416/65 Dương Quảng Hàm, Phường 05, Quận Gò Vấp, Tp. Hồ Chí Minh
4	Công ty TNHH ứng dụng khoa học tâm lý Tâm Đức	ThS. Phạm Thị Dịu	Giám đốc	Biệt thự 76/2B Vĩnh Phú 23, P. Vĩnh Phú, Thuận An, Bình Dương

5	Trung tâm can thiệp sớm và phát triển ngôn ngữ Hoa Nụ Cười	ThS. Đặng Thị Thảo	Giám đốc	17 đường 12, KDC Tăng Phú, P. Phước Long B, TP Thủ Đức
6	Công ty TNHH Giáo dục Nhất Tâm UNISON	ThS. Ngô Thị Việt Tâm	Giám đốc	Số 8E1, đường 48, P. Tân Phong, Quận 7, Thành phố HCM
7	Trung Tâm Nghiên Cứu và Ứng Dụng Tâm Lý Khai Tâm PARC	ThS. Trần Thị Uyên	Giám đốc	80/36 Lưu Chí Hiếu, Tây Thạnh, Tân Phú
8	Công Ty TNHH Can Thiệp Sớm Mai Khôi	Trần Thị Lý	Giám đốc	57 Huỳnh Văn Một, P. Hiệp Tân, Q. Tân Phú
9	Công ty giáo dục Trí Nguyên	ThS. Trần Thị Cẩm Nhi	Giám đốc	441/12 Lê Văn Quới, Bình Trị Đông, Bình Tân, HCM
10	Viện Nghiên cứu, đào tạo và Ứng dụng tâm lý	ThS. Nguyễn Thị Thùy Dung	Viện trưởng	48 Đường số 7, KDC Phú Hữu, P. Phú Hữu, Tp. Thủ Đức
11	Trung tâm tư vấn và can thiệp sớm Bình Minh	ThS. Ngô Thị Tuyến	Giám đốc	808f13, đường 30/4, Phường 11, Thành phố Vũng Tàu, Tỉnh Bà Rịa_Vũng Tàu
12	Công ty cổ phần đầu tư ENLI-ERA	Ngô Hồ Quốc Phú	Giám đốc	2A, Lê Thánh Tôn, Phường Bến Nghé, Quận 1, TP Hồ Chí Minh
13	Trung tâm nghiên cứu và trị liệu tâm lý – giáo dục Mãnh ghép	ThS. Châu Xuân Công	Giám đốc	03 Đường số 1, KDC Hưng Phú, Tam Phú, TP Thủ Đức
14	Công ty TNHH Dịch vụ	Cao Trần Thành	Giám đốc	2A/4B Nguyễn Thị Minh Khai, Phường Sài

	Tâm Lý Lumos	Trung		Gòn, TP. HCM
15	Bệnh Viện Quân Y 175	Trần Quốc Việt	Giám đốc	Số 786 Nguyễn Kiệm, Phường 3, Q. Gò Vấp, Tp. Hồ Chí Minh
16	Bệnh Viện Lê Văn Thịnh	BS.CK2. Trần Văn Khanh	Giám đốc	130 Lê Văn Thịnh, Phường Bình Trưng Tây, TP. Thủ Đức
17	Bệnh Viện Nhi Đồng 2	BS.CK2. Trịnh Hữu Tùng	Giám đốc	14 Lý Tự Trọng, Phường Bến Nghé, Quận 1, TPHCM
18	Bệnh viện Đa Khoa Thủ Đức	Nguyễn Trần Ái Khanh	P.Giám đốc	29 Phú Châu, Khu phố 5, Phường Tam Phú, Thành phố Thủ Đức, Thành phố Hồ Chí Minh

4.4. Thư viện, giáo trình, sách, tài liệu tham khảo

4.4.1. Thông tin chung

Trung tâm Thông tin-Thư viện (sau đây gọi tắt là Thư viện) của Trường đặt tại 03 cơ sở với tổng diện tích thư viện 4.095 m², trong đó có khoảng 965 chỗ ngồi, 168 máy tính kết nối internet, 06 phòng học nhóm, khu vực tra cứu, 05 phòng đọc, 04 kho tài liệu, 01 phòng hội thảo, 01 phòng đọc chuyên gia, 02 phòng tra cứu thông tin, 01 phòng tập gym, 01 khu tự học. Thư viện được trang bị hệ thống công an ninh RFID, phần mềm Quản lý thư viện tổng thể Kipos và phần mềm Dspace để quản lý các nguồn học liệu và các hoạt động của thư viện. Sinh viên, học viên, giảng viên và cán bộ nghiên cứu tra cứu tài liệu, đặt mượn tài liệu và khai thác các dịch vụ hỗ trợ của thư viện trên website <https://elib.ntt.edu.vn/>.

Tính đến tháng 09 năm 2025 nguồn học liệu của thư viện gồm có:

STT	Tên nguồn học liệu	Số lượng	Đơn vị tính	Ghi chú
1	Giáo trình	24.775	Bản	

STT	Tên nguồn học liệu	Số lượng	Đơn vị tính	Ghi chú
2	Sách tham khảo	72.416	Bản	
3	Khóa luận/ luận văn	7.249	Bản	
4	Báo cáo đề tài nghiên cứu khoa học	3.810	Bản	
5	Tạp chí chuyên ngành	90	Nhan đề	
6	Tài liệu điện tử	36.753	Tài liệu	(Bao gồm ebook, bài báo/tạp chí toàn văn)
7	Cơ sở dữ liệu trong nước và quốc tế	32	CSDL	
8	Mạng lưới Thư viện liên kết	2	Tổ chức	

Ngoài ra, giảng viên, sinh viên còn có quyền truy cập các nguồn tài liệu điện tử phong phú từ các thư viện liên kết như:

Danh mục các cơ sở dữ liệu trong nước và quốc tế của thư viện gồm có:

STT	Tên cơ sở dữ liệu	Trong nước/ quốc tế
1	CSDL <u>ProQuest</u>	Quốc tế
2	CSDL <u>SpringerLink</u>	Quốc tế
3	CSDL <u>IEEE Xplore</u>	Quốc tế
4	<u>CSDL sách điện tử IG Publishing</u>	Quốc tế
5	<u>CSDL Association for Computing Machinery</u>	Quốc tế
6	<u>Openstax</u>	Quốc tế
7	<u>Directory of Open Access Book</u>	Quốc tế
8	<u>Directory of Open Access Journal</u>	Quốc tế
9	<u>Open Textbook Library</u>	Quốc tế
10	<u>BCCampus Open Textbook</u>	Quốc tế
11	<u>DART-Europe E-thesis Portal</u>	Quốc tế
12	Global ETD (Global Electronic Thesis and Dissertation Search)	Quốc tế
13	<u>ProQuest Thesis and Dissertations Global</u>	Quốc tế

14	<u>Open Access Theses and Dissertations</u>	Quốc tế
15	<u>EBSCO Open Dissertations</u>	Quốc tế
16	<u>Music - Online Resources</u> (8 CSDL)	Quốc tế
17	<u>Cơ sở dữ liệu nhiệm vụ KH&CN</u>	Trong nước
18	<u>Cơ sở dữ liệu công bố KH&CN Việt Nam</u>	Trong nước
19	<u>CSDL Kỹ thuật xây dựng - kiến trúc</u>	Trong nước
20	<u>Thư viện pháp luật</u>	Trong nước
21	<u>Website Thư viện</u>	Trong nước
22	Thư viện số NTTU (tài liệu nội sinh)	Trong nước
23	Tài nguyên giáo dục mở	OER (Tiếng Anh)
24		OER (Tiếng Việt)
25	Tạp chí Khoa học Việt Nam Trực tuyến - Vietnam Journal Online	Trong nước
26	<u>Mạng Thông tin Khoa học và Công nghệ TP.HCM</u>	Trong nước
27	<u>Thư viện số dùng chung</u>	Trong nước

Hệ thống tài nguyên học tập của Trường đa dạng nguồn tài liệu và thường xuyên được cập nhật như tài liệu in, tài liệu số, cơ sở dữ liệu trực tuyến, sách điện tử, tạp chí khoa học, luận văn, báo cáo kết quả nghiên cứu, các bộ sưu tập tài nguyên giáo dục mở, cơ sở dữ liệu kết nối dữ liệu tài liệu giữa thư viện Trường và các trường đại học ở Việt Nam giúp học viên có thể tiếp cận, khai thác sử dụng tài liệu mọi lúc mọi nơi để phục vụ cho học tập và nghiên cứu.

4.4.2. Tài liệu học tập ngành Tâm lý học lâm sàng trình độ thạc sĩ

Bảng 4.4.2. Danh mục tài liệu học tập ngành Tâm lý học lâm sàng trình độ thạc sĩ

STT	Tên sách, giáo trình, tạp chí (5 năm trở lại đây)	Tên tác giả	Nhà xuất bản	Năm xuất bản	Số lượng	Tên học phần sử dụng sách, tạp chí
1	Artificial Intelligence in Behavioral and Mental Health Care.	David D. Luxton	Academic Press.	2015	01	AI trong sức khỏe tâm thần toàn cầu

2	Tâm bệnh học (Tái Bản Lần 3)	Đặng Hoàng Minh	Đại học Quốc gia Hà Nội	2023	05	Tâm bệnh học nâng cao
3	Hướng Dẫn Chẩn Đoán Tâm Lý Tâm Thần Theo DSM-5	Phạm Toàn	Nhà xuất bản trẻ	2021	05	
4	Sổ tay chẩn đoán và thống kê các rối loạn tâm thần DSM-5-TR	Nguyễn Xuân Tú (dịch)	Nhà xuất bản Y học	2022	05	
5	Tâm lý và sức khỏe	Đặng Phương Kiệt	NXB Văn hóa thông tin	2025	05	Tâm lý học sức khỏe
6	Health Psychology: A Textbook	Jane Ogden	Open University Press	2012	01	
7	Nhập môn Đánh giá tâm lý	Huỳnh Mai Trang, Kiều Thị Thanh Trà	NXB ĐH Sư phạm TP HCM	2022	05	Đo lường và đánh giá trong tâm lý học
8	Psychological Testing and Assessment - An Introduction to Tests and Measurement	Ronald Jay Cohen, Mark E. Swerdlik, Edward D. Sturman	McGraw-Hill publishing	2013	ebook	
9	Phương pháp nghiên cứu trong tâm lý học	Phan Thị Mai Hương	Nxb Khoa học xã hội	2013	05	
10	Research design in clinical psychology	Kazdin, A. E.	Cambridge University Press	2021	01	Phương pháp nghiên cứu khoa học tâm lý lâm sàng
11	Tiếp cận hiện đại trong nghiên cứu khoa học	Nguyễn Lan Phương	NXB Đại học quốc gia Hà Nội	2023	10	
12	Phương pháp nghiên cứu trong tâm lý học	Phan Thị Mai Hương	Nxb Khoa học Xã hội.	2013	05	
13	Theory and practice of counseling and psychotherapy (10th ed.)	Corey, G.	Cengage Learning	2017	ebook	Định hình trường hợp trong TLHLS
14	Trị liệu Tâm lý: Cơ sở lý luận và thực hành điều trị tâm bệnh	Nguyễn Công Khanh.	Nhà xuất bản Đại học Quốc gia Hà Nội	2024	05	
15	Giáo trình tâm lý học lâm sàng	Nguyễn Thị Minh Hằng	NXB ĐHQGHN.	2020	15	

16	Tâm bệnh học	Đặng Hoàng Minh	NXB Đại học Quốc gia Hà Nội	2023	05	
17	Theory and practice of counseling and psychotherapy (10th ed.)	Corey, G.	Cengage Learning	2017	ebook	Điều trị các vấn đề hướng nội
18	Giáo trình tâm lý học lâm sàng	Nguyễn Thị Minh Hằng	NXB ĐHQGHN	2020	15	
19	Tâm bệnh học	Đặng Hoàng Minh	. NXB Đại học Quốc gia Hà Nội	2023	05	
20	Individual Counseling and Therapy: Skills and Techniques	Chen, M., Bloom, Z. D.	Routledge	2025	01	Điều trị các vấn đề hướng ngoại
21	Trị liệu Tâm lý: Cơ sở lý luận và thực hành điều trị tâm bệnh	Nguyễn Công Khanh	Nhà xuất bản Đại học Quốc gia Hà Nội	2023	10	
22	Current Psychotherapies	Corsini, R.J. & Wedding, D	Cengage Learning	2018	01	Thực hành Tâm lý học Lâm sàng 1
23	Giáo trình Thống kê ứng dụng trong giáo dục - Tập 1	Trần Xuân Quang - Vũ Trọng Lưỡng	NXB Đại học Quốc gia Hà Nội	2025	05	Ứng dụng AI trong kê tâm lý học
24	Giáo Trình Nguyên Lý Thống Kê Kinh Tế	Trần Thị Thanh Hương Nguyễn Kim Dung	NXB Lao Động, Hà Nội	2023	05	
25	Giáo trình nguyên lý thống kê kinh tế	PGS.TS Ngô Thị Thuận (chủ biên), TS. Phạm Vân, Hùng TS. Nguyễn Hữu Ngoan	NXB Đại học Nông nghiệp Hà Nội	2006	05	
26	Giáo trình SPSS (dành cho sinh viên khối ngành khoa học xã hội và nhân văn	Đỗ Văn Thắng Phan Thành Huân	Nxb. Đại học Quốc gia TP. HCM	2014	05	
27	Conducting psychological assessment: A guide for practitioners	Wright, A. J.	John Wiley & Sons	2020	01	Tâm lý học lâm sàng

28	International histories of psychological assessment	Laher, S. (Ed.)	Cambridge University Press	2022	01	
29	Giáo trình Tâm lý trị liệu (lý thuyết và thực hành)	Phạm Toàn	NXB ĐHQG TP HCM	2018	05	Các trường phái tâm lý trong can thiệp trị liệu
30	Theory and Practice of Counseling and Psychotherapy, 11th Edition	Corey, G.	Cengage Learning, Boston	2023	01	
31	Trị Liệu Tâm Lý: Cơ Sở Lý Luận Và Thực Hành Điều Trị Tâm Bệnh	Nguyễn Công Khanh	NXB ĐHQG Hà Nội	2023	05	
32	Current Psychotherapies	Corsini, R.J., & Wedding, D.	Cengage Learning	2018	01	
33	Essential Psychotherapies: Theory and Practice	Messer, S.B., & Gurman, A.S.	The Guilford Press	2019	01	
34	Current Psychotherapies	Corsini, R.J. & Wedding, D	Cengage Learning	2018	01	Thực hành Tâm lý học Lâm sàng 2
35	The Science and Fiction of Autism	Schreibman, L	Harvard University Press, Cambridge	2007	01	Đánh giá và can thiệp phổ tự kỷ
36	Can thiệp sớm cho trẻ tự kỷ: Sử dụng các hoạt động hằng ngày giúp trẻ kết nối, giao tiếp và học hỏi	Sally J.Rogers, Geraldine Dawson, Laurie A.Vismara, Bạch Thu Phương, dịch	Nhà xuất bản Trẻ	2021	05	
37	Evidence-Based Practices and Treatments for Children with Autism	Reichow, B., Doehring, P., Cicchetti, D.V., & Volkmar, F.R.	Springer, New York	2011	01	
38	Giáo trình tham vấn điều trị nghiện ma túy	Bùi Thị Xuân Mai (chủ biên)	NXB Lao Động Xã Hội	2013	01	Can thiệp và rối loạn nghiện
39	Stahl's Essential Psychopharmacolog	Stahl, S. M.	Cambridge University	2021	01	Triệu chứng học và trị liệu dược lý cho

	y: Neuroscientific Basis and Practical Applications		Press			rối loạn tâm thần
40	Handbook of Clinical Psychopharmacology for Therapists	Preston, J. D., O'Neal, J. H., & Talaga, M. C.	New Harbinger Publications	2021	01	
41	Goodman & Gilman's: The Pharmacological Basis of Therapeutics	Laurence L. Brunton, Björn C. Knollmann	McGraw-Hill Education	2023	01+ebook	
42	Advanced Techniques for Counseling and Psychotherapy	Christian Conte	Springer Publishing Company	2009	01	
43	Theory and practice of counseling and psychotherapy (10th ed.)	Gerald Corey	Cengage Learning.	2017	01	Liệu pháp CBT chuyên sâu
44	Trị liệu Tâm lý: Cơ sở lý luận và thực hành điều trị tâm bệnh	Nguyễn Công Khanh.	Nhà xuất bản Đại học Quốc gia Hà Nội	2024	01	
45	The Mindfulness and Meditation Workbook for Anxiety and Depression: Balance Emotions, Overcome Intrusive Thoughts, and Find Peace Using Mindfulness-integrated CBT	Andrea D. Grabovac, Bruno A. Cayoun	New Harbinger Publications	2024	01	Liệu pháp chánh niệm
46	Chánh niệm - Hướng dẫn thực hành đến giác ngộ	Joseph Goldstein	NXB Hồng Đức	2022	05	
47	The Art Therapy Sourcebook	Cathy. A. Malchiodi	McGraw Hill	2006	01	Liệu pháp nghệ thuật
48	Approaches to Art Therapy: Theory and Technique	Judith Aron Rubin		2016	01	
49	Giáo trình Tâm lý học lâm sàng (tái bản lần 2)	Nguyễn Thị Minh Hằng	Nhà Xuất Bản Đại Học Quốc Gia Hà Nội	2023	05	Đạo đức nghề nghiệp tâm lý học lâm sàng

50	Ethics in psychology and the mental health professions: Standards and cases	Gerald P. Koocher & Patricia Keith-Spiegel	Oxford University Press	2016	05	
51	Giáo dục trẻ tăng động giảm chú ý	Đỗ Thị Thảo, Nguyễn Xuân Hải & Nguyễn Thị Hoa	Nhà Xuất Bản Giáo Dục Việt Nam	2021	05	
52	All About ADHD: A Family Resource for Helping Your Child Succeed	Pfiffner, L.J.	Sourcebooks	2017	01	Can thiệp cho trẻ tăng động giảm chú ý
53	The Science and Fiction of Autism	Schreibman, L.	Harvard University Press, Cambridge	2007	01	
54	Các phương pháp nghiên cứu trong tâm lý học lâm sàng	Nguyễn Sinh Phúc	Đại học Sư phạm Hà Nội.	2013	01	Luận văn Thạc sỹ tâm lý học lâm sàng
55	Phương pháp nghiên cứu trong tâm lý học	Phan Thị Mai Hương	Nxb Khoa học Xã hội.	2013	01	

PHẦN 5

NGHIÊN CỨU KHOA HỌC VÀ HỢP TÁC QUỐC TẾ

5.1. Hoạt động nghiên cứu khoa học của Trường

Nhà trường luôn khuyến khích và tích cực đẩy mạnh hoạt động NCKH, với đội ngũ cán bộ NCKH tăng về số lượng và chất lượng, số lượng các đề tài, dự án các cấp do Trường là cơ quan chủ quản cũng tăng hàng năm. Trong 5 năm học gần đây, Trường đã tham gia thực hiện 8 đề tài cấp Nhà nước, 84 đề tài cấp Bộ (hoặc tương đương), 9 đề tài hợp tác quốc tế và triển khai nhiều đề tài cấp cơ sở cho giảng viên và sinh viên/học viên. Hàng năm, Trường luôn dành một phần kinh phí cho hoạt động khoa học công nghệ, hỗ trợ và động viên giảng viên, cán bộ nghiên cứu (GV-CBNC) tham gia hoạt động NCKH thông qua các đề tài cấp Trường. Bên cạnh đó, hoạt động NCKH của HV cũng được quan tâm hỗ trợ. Trường luôn động viên, vận động, khuyến khích HV tham gia NCKH, thực hiện đề tài cấp Trường với kinh phí được hỗ trợ 100%. Chính vì vậy, số lượng các đề tài cấp Trường của GV-CBNC và HV có nhiều chuyển biến tích cực trong những năm gần đây, thể hiện qua bảng dưới đây (số liệu thống kê đến 31/12/2024).

Bảng 5.1.a. Số lượng đề tài NCKH các cấp được phê duyệt và triển khai

TT	Phân loại đề tài	Số lượng					Tổng số
		2020	2021	2022	2023	2024	
1	Đề tài cấp Nhà nước	1	1	2	2	2	8
2	Đề tài cấp Bộ*	6	15	16	25	22	84
3	Đề tài cấp trường	164	203	176	163	222	928

TT	Phân loại đề tài	Số lượng					Tổng số
		2020	2021	2022	2023	2024	
4	Đề tài sinh viên NCKH	205	302	350	353	394	1604
5	Đề tài NCKH cấp quốc tế	-	-	02	05	02	09
	Tổng cộng	376	521	546	548	642	2633

* Bao gồm đề tài cấp Bộ hoặc tương đương cấp Sở, đề tài nhánh cấp Nhà nước, đề tài Chương trình Vườn Ươm (Sở Khoa học và Công nghệ Tp. HCM).

* Số liệu cập nhật đến 31/12/2024

Từ năm 2019, Nhà trường đã chú trọng đến đăng ký quyền sở hữu trí tuệ các kết quả NCKH của GV-CBNC nhằm bảo hộ và xác lập các sáng chế, gia tăng giá trị thương mại và khẳng định giá trị của NTTU. Trong 5 năm qua Trường đã sở hữu 04 bằng độc quyền sáng chế và 03 bằng giải pháp hữu ích, 34 đơn đăng ký sáng chế đã có quyết định chấp nhận đơn, 43 đơn đăng ký sáng chế đã nộp và đang chờ thẩm định và hiện có 22 giấy chứng nhận quyền tác giả cùng nhiều kết quả nghiên cứu khác đang hoàn thiện để chuẩn bị làm hồ sơ đăng ký sở hữu trí tuệ.

Một trong những tiêu chí đánh giá hoạt động NCKH của một cơ sở giáo dục Đại học chính là số lượng các công bố khoa học trên các Tạp chí quốc tế uy tín (hệ thống ISI/SCOPUS). Trường luôn có những chính sách đầy mạnh hoạt động nghiên cứu khoa học như giảng viên được quy đổi giờ chuẩn khi tham gia NCKH, hỗ trợ kinh phí đăng bài trên các Tạp chí quốc tế (từ 500-2000USD/bài), khen thưởng cho các nhóm nghiên cứu có công bố quốc tế thuộc hệ thống

ISI/SCOPUS (từ 10-60 triệu đồng/bài). Tổng kinh phí Trường đã đầu tư cho hoạt động NCKH đến nay là gần 300 tỷ đồng và được Nhà nước cùng các bộ ban ngành cấp là trên 60 tỷ đồng. Từ những chính sách hỗ trợ và đầu tư mạnh cho hoạt động NCKH, cho đến nay số công bố khoa học của Trường tăng mạnh hàng năm, đặc biệt số lượng các công bố quốc tế trong hệ thống ISI/SCOPUS, số liệu cụ thể thể hiện ở Bảng sau (số liệu thống kê đến 31/12/2024).

Bảng 5.1.b. Số lượng công bố khoa học quốc tế và trong nước

TT	Phân loại tạp chí	Số lượng					
		2020	2021	2022	2023	2024	Tổng số
1	Tạp chí KH quốc tế (ISI/SCOPUS/ESCI/quốc tế khác)	682	650	645	678	615*	3270
2	Tạp chí KH cấp Ngành trong nước	136	175	241	272	293	1117
3	Tạp chí/tập san của cấp trường	68	139	247	389	368	1211
	Tổng cộng	886	964	1133	1339	1276	5598

* Chỉ tính số bài báo thuộc trong hệ thống ISI, SCOPUS

* Số liệu cập nhật đến 31/12/2024

Với lực lượng đội ngũ NCKH mạnh, Trường đã chú trọng xây dựng môi trường nghiên cứu chất lượng cao để các nhà khoa học có thể phát triển hết khả năng của mình. Trường đã tăng cường đầu tư nhiều trang thiết bị, phòng thí

nghiệm hiện đại phục vụ đào tạo và nghiên cứu khoa học các lĩnh vực mũi nhọn như: Công nghệ sinh học và Nông nghiệp công nghệ cao, Công nghệ thông tin và truyền thông, Công nghệ vật liệu mới, năng lượng và môi trường, kỹ thuật thực phẩm, công nghệ tự động hóa, Dược, Vật lý Y sinh... Hiện nay, Nhà trường đang tập trung xây dựng và phát triển Trung tâm phát triển Công nghệ cao NTTU tại Khu Công nghệ cao TP.HCM, là một trung tâm R&D mạnh tầm khu vực Châu Á phục vụ định hướng Nhà trường trở thành Đại học Đổi mới sáng tạo và khởi nghiệp, là đơn vị có chuyên môn, năng lực nghiên cứu cao, có chức năng NCKH, chuyển giao công nghệ theo các hợp đồng nghiên cứu, làm kinh tế bằng con đường nghiên cứu, góp phần phát triển nền kinh tế trọng điểm thành phố Hồ Chí Minh, khu vực phía Nam và Tây Nguyên.

Phòng KHCN tham mưu cho Nhà trường và hỗ trợ các đơn vị tổ chức các hội nghị, hội thảo để giới thiệu các hướng nghiên cứu đang triển khai, kết quả NCKH và chuyển giao công nghệ; thông qua các Hội nghị, Hội thảo này có thể khảo sát nhu cầu chuyển giao của các địa phương và doanh nghiệp, từ đó có chiến lược trong định hướng các nghiên cứu thế mạnh của Trường. Trường cũng rất chú trọng tăng cường các mối quan hệ hợp tác với địa phương về hoạt động NCKH và chuyển giao công nghệ. Hiện nay, các giảng viên/nghiên cứu viên của Trường đã và đang triển khai nhiều dự án, đề tài với các Sở KHCN Tỉnh, Trung tâm chuyển giao công nghệ Tỉnh (TP. Hồ Chí Minh, Tiền Giang, Bến Tre, Ninh Thuận, Hậu Giang, Cần Thơ, Đồng Nai, Bình Phước, Vĩnh Long, Lâm Đồng...).

Trường đã và đang triển khai các hoạt động liên kết với các Công ty, cơ sở sản xuất thực hiện các đề tài chuyển giao công nghệ, xây dựng thương hiệu các sản phẩm mang tên Trường đại học Nguyễn Tất Thành và giao cho Trung tâm Sáng tạo và Ươm tạo Doanh nghiệp NTTU phụ trách các hoạt động ươm tạo doanh nghiệp.

Với những đóng góp trên về hoạt động KHCN, năm học vừa qua ĐH Nguyễn Tất Thành đã được một số tổ chức

trong và nhà nước ghi nhận như sau: - TOP 1 bảng xếp hạng THE Impact Rankings 2024 các trường đại học tại Việt Nam, đồng thời xếp hạng trong top 301-400 (top 20%) trường đại học trên toàn thế giới; - TOP 4 Bảng xếp hạng đại học theo thành tựu học thuật URAP ở Việt Nam (2/2024), tăng 2 bậc so với bảng xếp hạng 10/2023; - TOP 10 Bảng xếp hạng SCImago Institutions Rankings 2024 các trường Đại học Việt Nam; - Tháng 11/2023, lần đầu tiên Trường ĐH Nguyễn Tất Thành (NTTU) được xếp hạng tại Bảng QS Asia Rankings với các vị trí xếp hạng ấn tượng 291-300 tại Châu Á, đứng thứ 60 tại Đông Nam Á (South-East Region), và là top 5 tại Việt Nam; - Tạp chí Khoa học Công nghệ của trường Đại học Nguyễn Tất Thành được Hội đồng Giáo sư Nhà nước tính điểm ở 8 lĩnh vực; - Tạp chí khoa học Vietnam Journal of Computer Science (VJCS) của Trường ĐH Nguyễn Tất Thành được Scimago xếp hạng vào nhóm những tạp chí khoa học uy tín (nhóm Q3) về lĩnh vực khoa học máy tính.

Hoạt động khoa học và công nghệ có vai trò quan trọng trong việc nâng cao chất lượng đào tạo nguồn nhân lực chất lượng cao. Đặc biệt nhà trường thực hiện nghiêm túc quy trình thực hiện đề tài NCKH, nghiêm thu chặt chẽ, khách quan đảm bảo chất lượng sản phẩm khoa học, sản phẩm khoa học phải được chuyển giao ứng dụng vào giảng dạy. Nhận thấy được tầm quan trọng trong việc cải tiến chương trình đào tạo nên hằng năm, Trường và các khoa tổ chức các hội thảo cấp Khoa và đề tài cấp Trường, viết giáo trình... nhằm giải quyết các vấn đề nảy sinh trong quá trình dạy và học và kết quả đóng góp trực tiếp vào việc cải tiến chất lượng hoạt động dạy và học. Thực hiện nghiêm túc quy trình thực hiện đề tài NCKH phục vụ cho việc cải tiến và ứng dụng trong đào tạo, nghiêm thu chặt chẽ, khách quan đảm bảo chất lượng sản phẩm khoa học, sản phẩm khoa học phải được chuyển giao ứng dụng vào thực tiễn. Tăng cường công tác đăng ký viết giáo trình, bài giảng, tài liệu tham khảo lưu hành nội bộ phục vụ cho các môn học chưa có giáo trình hoặc giáo trình quá cũ, lạc hậu. Có chính sách khuyến khích, lựa chọn những giáo trình, bài tập - tài liệu tham khảo đạt chất lượng, sáng tạo để xuất bản thành sách. Đồng thời nhà trường còn tổ chức các Hội thảo nhằm nhằm tạo diễn đàn

cho các chuyên gia, các giảng viên của các nhóm ngành đào tạo ở các Trường Đại học, Cao đẳng tại Việt Nam trao đổi về học thuật, nghiên cứu khoa học và những vấn đề đào tạo nhằm góp tiếng nói chung về nâng cao chất lượng trong lĩnh vực quản lý, đào tạo, nghiên cứu khoa học, đổi mới sáng tạo.

Ngay từ những ngày đầu thành lập, Trường ĐH Nguyễn Tất Thành đã luôn quan tâm đầu tư cho hoạt động NCKH và coi đây là nền tảng quan trọng hỗ trợ tích cực cho hoạt động giảng dạy của mình, là “thước đo” giúp đánh giá về mức độ uy tín của trường đối với xã hội, qua đó góp phần trong việc nâng cao vị thế khoa học trong và ngoài nước. Nhà trường luôn quan tâm đến việc tăng cường ký kết hợp tác trong NCKH giữa Trường với các đơn vị có tiềm lực NCKH mạnh (Viện Nghiên cứu, Đại học Quốc gia, Trường Đại học...) cùng với việc thông qua các dự án hợp tác quốc tế về NCKH với các phòng thí nghiệm chuyên sâu ở nước ngoài (Anh, Nhật, Hàn, Đức...), các giảng viên và đội ngũ nghiên cứu của Trường có thể sử dụng được nguồn tài nguyên NCKH đỉnh cao, thực hiện được nhiều hoạt động NCKH chuyên sâu trong nước và quốc tế. Công tác chuyển giao công nghệ không chỉ ở trong nước mà còn hướng ra quốc tế. Tháng 1 năm 2019, Trường đã khánh thành Trung tâm Nghiên cứu phát triển Chuyển giao Công nghệ Việt Nam-Hàn Quốc (VKTech), với mục đích thông báo các thành quả của các dự án ứng dụng công nghệ cao trong lĩnh vực nông nghiệp và xử lý môi trường do NTTU, Đại học quốc gia Chonbuk (CBNU-Hàn Quốc) cùng các doanh nghiệp của Hàn Quốc như NewTech Wave, Astabio và TEAMS phối hợp thực hiện.

Đặc biệt, từ năm 2018, với tiềm lực đội ngũ nghiên cứu chất lượng cao, Trường đã chú trọng và đầu tư thành lập các nhóm nghiên cứu mạnh và các Trung tâm nghiên cứu xuất sắc các lĩnh vực thế mạnh. Với lực lượng đội ngũ NCKH mạnh, Trường đã chú trọng xây dựng môi trường nghiên cứu chất lượng cao để các nhà khoa học có thể phát triển hết khả năng của mình như xây dựng và thành lập Viện Kỹ thuật công nghệ cao NTT, Viện Ứng dụng công nghệ

và Phát triển bền vững, Viện Nghiên cứu phát triển sinh học nông nghiệp tiên tiến, Viện Khoa học Xã hội liên ngành, Trung tâm Ươm tạo và Sáng tạo Khởi nghiệp... Đầu năm 2025 nhà trường đã thành lập Viện Khoa học liên ngành trên cơ sở hợp nhất Viện Khoa học Xã hội liên ngành và Viện Nghiên cứu phát triển sinh học nông nghiệp tiên tiến nhằm tập hợp và phát huy tối đa nội lực của các viện nghiên cứu.

Nhà trường đã, đang xây dựng và dần hoàn thiện phần mềm quản lý cơ sở dữ liệu về nghiên cứu khoa học (RIMS). Đây là giải pháp hữu ích và cần thiết giúp Nhà trường theo dõi, quản lý được quá trình thực hiện các đề tài nghiên cứu, các công bố khoa học và các thông tin liên quan một cách hiệu quả, giúp tiết kiệm thời gian, công sức và thuận tiện trong việc tra cứu, tìm kiếm, quản lý thông tin đề tài, nhiệm vụ khoa học. Qua đó, góp phần nâng cao chất lượng hoạt động và công tác quản lý khoa học công nghệ tại Trường, phù hợp với định hướng của nhà trường về chuyển đổi số công tác quản lý, với mục đích quảng bá và nâng cao vị thế quốc tế của Trường đồng thời phục vụ cho công tác kiểm định bảo đảm chất lượng.

Nhà trường đã triển khai chương trình chuyển đổi số khá sớm và xây dựng thành mục tiêu trọng tâm và triển khai đã triển khai bước cơ bản trong khung năng lực chuyển đổi số. Nhà trường đã đẩy mạnh phát triển cơ sở hạ tầng công nghệ thông tin nhằm đáp ứng nhu cầu quản trị đại học, hỗ trợ nghiên cứu khoa học... Đồng thời nhà trường là một trong những đơn vị tiên phong trong việc quan tâm đến Tài nguyên giáo dục mở (Open Educational Resources – OER) với mục tiêu xây dựng mô hình về phát triển, chia sẻ, khai thác, sử dụng tài nguyên giáo dục mở trong giáo dục đại học, góp phần nâng cao chất lượng, hiệu quả của hoạt động nghiên cứu, giảng dạy và học tập.

5.2. Hoạt động hợp tác quốc tế của Trường

Trong lĩnh vực Hợp tác Quốc tế, Trường Đại học NTT đã xây dựng và có quan hệ hợp tác với hơn 100 trường Đại

học, Viện nghiên cứu và tổ chức quốc tế thuộc hơn 20 quốc gia như Mỹ, Anh, Pháp, Đức, Nhật Bản, Ba Lan, Hàn Quốc; ký kết được gần 300 Biên bản ghi nhớ và Biên bản hợp tác. Từ giai đoạn 2015 – nay, Nhà trường đã tiếp nhận hàng trăm sinh viên quốc tế theo học đến từ các quốc gia như Anh, Pháp, Mỹ, Úc, Canada, Đức, Nhật Bản, Thái Lan, Hungary, Hàn Quốc, Đài Loan, Malaysia ... và thực hiện nhiều chương trình trao đổi giảng viên, sinh viên. Tính đến nay, Trường đã tổ chức thành công hơn 50 hội thảo quốc tế thu hút được các nhà giáo dục, lãnh đạo, học giả từ nhiều trường đại học trên thế giới như Anh, Pháp, Đức, Mỹ, Hàn Quốc, Malaysia, Đài Loan, Ba Lan. Mặt khác, Trường nhận được sự tham gia cổ vấn của nhiều giáo sư hàng đầu từ các Trường, Học viện nổi tiếng và hiện đang giữ vai trò là giáo sư danh dự của Nhà trường. Ngoài ra, Nhà trường đã và đang tham gia hơn 10 dự án quốc tế từ các nguồn quỹ như Erasmus+ (Châu Âu), Hội đồng Anh, Quỹ Korea Foundation (Hàn Quốc) ... giúp nâng cao năng lực đội ngũ cán bộ, tận dụng được các nguồn tài trợ trang thiết bị, cơ sở vật chất. Nhà trường thường xuyên tăng cường cử GV, CBQL ra nước ngoài học tập, giảng dạy và nghiên cứu; đồng thời mở rộng việc nhận chuyển gia các nước đến trường để giảng dạy và nghiên cứu nhằm tạo điều kiện cho đội ngũ của Trường có cơ hội tiếp cận và hòa nhập trình độ khoa học kỹ thuật của khu vực và thế giới. Bên cạnh đó, SV của Nhà trường cũng được tham gia các chương trình trao đổi, thực tập, trải nghiệm môi trường học tập quốc tế tại Đức, Ý, Nhật Bản, Trung Quốc, Malaysia, Thái Lan, Israel....

5.3. Nghiên cứu khoa học trong nước và quốc tế của Khoa Tâm lý - Giáo dục (trong 5 năm gần đây)

Các đề tài nghiên cứu khoa học và công bố của giảng viên tham gia giảng dạy trong chương trình đào tạo ngành Tâm lý học lâm sàng trình độ thạc sĩ:

Bảng 5.3.a *Danh sách các Đề tài/Dự án NCKH của giảng viên*

STT	Số quyết định, ngày phê duyệt đề tài, mã số	Đề tài cấp	Tên đề tài	Tên Chủ nhiệm đề tài	Số QĐ, ngày nghiệm thu	Kết quả nghiệm thu	Tên thành viên tham gia nghiên cứu đề tài
1	2025.01.83	Cơ sở	Nhu cầu tư vấn hướng nghiệp trong thời đại kỹ nguyên số của học sinh trung học phổ thông tại Thành phố Hồ Chí Minh	Vũ Xuân Hường	QĐ số 1146/QĐ-NTT 26/06/2025	Đạt	Nguyễn Văn Lục
2		DA	Biên soạn mục từ về Giáo dục mầm non/quyển 31 b - Giáo dục/nhóm Giáo dục Mầm non		2025	Đạt	Bùi Thị Việt
3		Tỉnh	Nghiên cứu xây dựng mô hình CTXH trong trường học tại tỉnh Tiền Giang	Huỳnh Văn Chấn	2024	Đạt	
4		Tỉnh	Xây dựng mô hình dịch vụ chăm sóc người cao tuổi tại tỉnh Bến Tre	Huỳnh Văn Chấn	2024	Đạt	Võ Văn Luyến

5		Bộ	Biên soạn Chương trình Giáo dục Mầm non mới, lĩnh vực Giáo dục phát triển thể chất cho trẻ mầm non		2024	Đạt	Bùi Thị Việt
6	2023.01.89	Cơ sở	Hành vi học tập của sinh viên Trường ĐH Nguyễn Tất Thành	Trần Văn Hải		Đạt	
8	2023.01.95	Cơ sở	Nhu cầu tham vấn tâm lý của sinh viên Trường đại học Nguyễn Tất Thành	Nguyễn Văn Lực	QĐ số 1151/QĐ-NTT, 31/5/2024 Nghịệm thu 20/6/2024	Đạt	
9	2023.01.122	Cơ sở	Định hướng nghề nghiệp của sinh viên ngành Tâm lý học, trường ĐH Nguyễn tất Thành	Đào Thị Sâm	QĐ số 1150/QĐ-NTT, 31/5/2024 Nghịệm thu 20/6/2024	Đạt	

10		Tỉnh	Xây dựng mô hình hỗ trợ đời sống văn hóa, giáo dục và nghề nghiệp cho người LGBT ở tỉnh Bến Tre		2023	Đạt	Vô Văn Luyến
11	KHGD/16-20.ĐT.027		ĐTNN “Xây dựng bộ chỉ số phát triển sinh lý, tâm lý của trẻ mầm non và học sinh tiểu học phục vụ yêu cầu đổi mới giáo dục và đào tạo Việt Nam” chủ nhiệm GS.TS. Nguyễn Thị Mỹ Lộc		2022		Nguyễn Thị Mỹ Trinh
12	KHGD/16-20.ĐT.013		ĐTNN “Xây dựng bộ công cụ đánh giá sự phát triển giáo dục và đào tạo của địa phương”, Chủ nhiệm PGS. TS. Nguyễn Thị Lan Phương		2022		Nguyễn Thị Mỹ Trinh

13	KHGD/16- 20.ĐT.041		ĐTN “Nghiên cứu xây dựng khung chiến lược phát triển giáo dục và đào tạo Việt Nam giai đoạn 2021-2030”, chủ nhiệm GS.TS. Lê Anh Vinh		2022		Nguyễn Thị Mỹ Trinh
14	KHGD/16- 20.ĐT.015	Nhà nước	Xây dựng môi trường giáo dục an toàn, lành mạnh, thân thiện ở các cơ sở GDMN, phổ thông đáp ứng yêu cầu đổi mới căn bản toàn diện giáo dục Việt Nam - thuộc Chương trình KH&CN cấp Quốc gia giai đoạn 2016-2020.	Nguyễn Thị Mỹ Trinh	2022	Đạt	
15		Sở	Thiết kế trò chơi cho TMG 5-6 tuổi ở TPHCM theo cách tiếp cận STEAM		2022	Đạt	Bùi Thị Việt

16		Sở	Xây dựng trò chơi cho trẻ mẫu giáo 5-6 tuổi ở thành phố Hồ Chí Minh theo cách tiếp cận STEAM		2022	Đạt	Bùi Thị Việt
17		Tỉnh	Xây dựng mô hình hỗ trợ đời sống văn hóa – giáo dục cho người LGBT ở tỉnh Bến Tre		2021	Đạt	Huỳnh Văn Chấn
18		Quốc gia	Bản sắc con người Tây Nam Bộ trong bối cảnh phát triển mới		2021	Đạt	Huỳnh Văn Chấn

19		UNI CEF	Dự án Học tập cho trẻ em (UNICEF tài trợ). Chủ trì 02 hoạt động: (1). Hoạt động 1.1 Hỗ trợ việc xây dựng Chương trình Quốc gia về Giáo dục mầm non mới, chú trọng thích ứng về giới, thúc đẩy giáo dục kỹ năng tình cảm xã hội, gắn với khung kết quả đo lường được. (2). Hoạt động: 1.3. Xây dựng, thử nghiệm và ứng dụng diện rộng những sáng kiến giáo dục dựa trên nền tảng công nghệ số trong tất cả các cấp học nhằm trao quyền và hỗ trợ giáo viên trong việc triển khai các phương pháp tiếp cận mới, hướng tới học tập cá nhân hóa và thích ứng nhu cầu, năng lực của học sinh, với những bằng chứng cụ thể về tác động có thể đo lường được lên kết quả học tập và kỹ năng cho học sinh.	Nguyễn Thị Mỹ Trinh	2021	Đạt	
----	--	------------	---	---------------------------	------	-----	--

20	2020.09.117	Cơ sở	Xây dựng mô hình tham vấn học đường cho sinh viên Khoa Du lịch và Việt Nam học, trường ĐH Nguyễn Tất Thành	Lê Thị Hằng	QĐ số 116/QĐ-NTT, 28/1/2021 Nghịệm thu 29/1/2021	Đạt	Đào Thị Sâm Trương Quang Trị
21	2020.01.169	Cơ sở	Tác động của việc làm thêm đối với kết quả học tập và rèn luyện của sinh viên Khoa Du lịch và Việt Nam học - Trường Đại học - Nguyễn Tất Thành	Đào Thị Sâm	QĐ số 756/QĐ-NTT, 08/07/2021 Nghịệm thu 12/07/2021	Đạt	Nguyễn Văn Lực
22		Tỉnh	Đánh giá kỹ năng thích ứng biến đổi khí hậu trong sản xuất nông nghiệp của người dân tỉnh Bến tre	Huỳnh Văn Chấn	2020	Đạt	

23		Bộ	Chủ nhiệm đề tài cấp Bộ: Tích hợp nội dung giáo dục đa văn hóa trong thực hiện Chương trình GDMN vùng dân tộc thiểu số	Nguyễn Thị Mỹ Trinh	2020	Đạt	
24		UNICEF	Dự án Học tập cho trẻ em (UNICEF tài trợ). Chủ trì 02 hoạt động: (1) Nghiên cứu đề xuất định hướng phát triển chương trình GDMN sau 2020. (2) Phân tích ngành (ESA) về GDMN.	Nguyễn Thị Mỹ Trinh	2020	Đạt	
25		VVOB	Dự án của tổ chức VVOB Chủ trì hoạt động: Đánh giá sự tác động của dự án BAMÍ - Đo lường sự phát triển của trẻ 5 tuổi tại 3 tỉnh Quảng Nam; Quảng Ngãi và Kontum.	Nguyễn Thị Mỹ Trinh	2020	Đạt	

26		TW	Dự án của Trung ương Hội Liên hiệp Phụ nữ Việt Nam và Cục Trẻ em, Bộ LĐTB&XH “Xây dựng báo cáo đánh giá kết quả thực hiện Đề án 404 - Hỗ trợ, phát triển nhóm trẻ độc lập tư thực khu vực KCN, KCX đến năm 2020”	Nguyễn Thị Mỹ Trình	2020	Đạt	
----	--	----	---	---------------------	------	-----	--

Bảng 5.3.b. Danh sách các công bố quốc tế và trong nước của giảng viên

STT	Tên công trình	Tác giả và vai trò	Năm công bố	Tên NXB/Tạp chí/Hội thảo
Công bố quốc tế				
1	Positive Psychology and the Connection Between Religious Practices, Gratitude, and Happiness in Vietnam	Vũ Xuân Hương (TG chính)	2025	The International Journal of Religion and Spirituality in Society
2	Integrating Eastern Cultural Values with Modern Psychotherapy: An Inclusive Approach in Clinical Psychology	Vũ Xuân Hương (TG chính CA)	2025	North American Journal of Psychology

3	Clinical Supervision in Counseling Practice: A Systematic Review with Implications for Vietnamese Context	Vũ Xuân Hương (TG chính)	2025	The International Journal of Health, Wellness and Society
4	Reconceptualizing Career Guidance in the Digital Age: An Empirical Investigation among High School Students in Ho Chi Minh City, Vietnam	Vũ Xuân Hương (TG chính CA)	2025	International Journal of Innovative Research in Multidisciplinary Education
5	A Scholarly Review of Research on Enhancing Social Skills in Children with Autism Spectrum Disorder through Music Education	Vũ Xuân Hương (TG chính CA)	2025	International Journal of Innovative Research in Multidisciplinary Education
6	The Relationship Between Childhood Trauma and Personality Disorders in Vietnamese Adults	Vũ Xuân Hương (TG chính CA)	2025	North American Journal of Psychology
7	Leveraging Technology for Higher-Order Thinking Development: Instructional Design Strategies in Higher Education	Vũ Xuân Hương (TG chính)	2025	The International Journal of Technologies in Learning
8	Effectiveness of Mindfulness-Based Stress Reduction on University Students' Mental Health and Academic Performance	Vũ Xuân Hương (TG chính)	2025	North American Journal of Psychology
9	Enhancing Career Guidance and Personal Development Through Experiential Activities for School Pupils in Vietnam	Vũ Xuân Hương (TG chính)	2025	North American Journal of Psychology
10	Integration of Spiritual and Religious Elements in Psychotherapeutic and Counseling Practices: A Qualitative Exploration Within the Vietnamese Cultural Context.	Vũ Xuân Hương (TG chính)	2025	The International Journal of Religion and Spirituality in Society
11	Prevalence of Anxiety Disorder & Associated Variables among	Vũ Xuân Hương (TG chính)	2024	International Journal of Innovative Research in

	University Students in Vietnam				Multidisciplinary Education
12	The Influence of Mindfulness-Based Cognitive Interventions on the Well-being of University Students	Vũ Xuân Hương (TG chính)	2024		North American Journal of Psychology
13	Eating Disorders: A Historical Perspective and Analysis of Current Treatment Approaches	Vũ Xuân Hương (TG chính CA)	2024		International Journal of Innovative Research in Multidisciplinary Education
14	The Implications of Artificial Intelligence for Educational Systems: Challenges, Opportunities, and Transformative Potential	Vũ Xuân Hương (TG chính)	2024		The American Journal of Social Science and Education Innovations
15	The Influence of Organizational Culture on Employee Well-Being and Productivity: Insights and Recommendations for Vietnamese Organizations	Vũ Xuân Hương (TG chính CA)	2024		The American Journal of Management and Economics Innovations
16	Evaluating the Influence of Incorporating Computer Science, Materials Science, and Design in Mechanical and Electrical Electronics Education through Interdisciplinary Approaches	Vũ Xuân Hương (TG chính CA)	2024		The American Journal of Interdisciplinary Innovations and Research
17	A Comprehensive Review on the Correlation between Buddhism and Psychology	Vũ Xuân Hương (TG chính)	2024		The American Journal of Interdisciplinary Innovations and Research
18	The Importance of School Psychological Counselors and Recommendations for Vietnamese Schools	Vũ Xuân Hương (TG chính)	2023		The American Journal of Social Science and Education Innovations
19	Examining the Progression in Happiness Research: A Comprehensive Review of Theoretical and Empirical Discoveries	Vũ Xuân Hương (TG chính)	2023		International Journal of Social Science and Human Research

20	The Impact of Mindfulness-Based Interventions on Wellbeing in University Students	Vũ Xuân Hương (TG chính)	2023	International Journal of Psychological Science
21	The rising influence of mindfulness-based cognitive therapy in depression treatment	Vũ Xuân Hương (TG chính)	2023	International Journal of Social Science and Human Research
22	Examining the Scientific Foundation of Mindfulness and Alternative Approaches for Improving Mental Well-Being	Vũ Xuân Hương (TG chính)	2023	The American Journal of Social Science and Education Innovations
23	The importance of a liberal education in equipping students for the future is exemplified in the context of Vietnam	Vũ Xuân Hương (TG chính)	2023	Journal of Liberal Arts and Humanities
24	Exploring the Impact of Social Media on Mental Health from a Psychological Perspective: A Review of the Contemporary Literature	Vũ Xuân Hương (TG chính)	2023	International Journal of Current Science Research and Review
25	Innovating Vietnamese Education in the Context of Industrial Revolution 4.0: A Systematic Review	Vũ Xuân Hương (Công sự)	2023	International Journal of Current Science Research and Review
26	Korean Residential Architecture of Joseon Dynasty Through the Kingdom of a Thousand Years	Vũ Xuân Hương (TG chính)	2023	International Journal of Current Science Research and Review
27	Standardizing Queerness in the Novel "about My Daughter" by Kim Hye Jin	Vũ Xuân Hương (TG chính)	2023	International Journal of Research in Education Humanities and Commerce
28	Relationship Between the Fear of Missing Out and Loneliness Among Vietnamese University Students In COVID-19 Pandemic	Huỳnh Văn Chân (TG chính)	2022	Pegem Journal of Education and Instruction
29	Aggression Toward LGBT Students and the Role of Social Workers in Vietnam.	Huỳnh Văn Chân (TG chính)	2022	Journal for Educators, Teachers and Trainers

30	The impact of covid-19 on older adults' finances, well- being and fear	Huỳnh Văn Chấn (TG chính)	2022	ASEAN Journal of Psychiatry
31	Factores que predicen los comportamientos de salud individuales durante la pandemia de covid-19	Huỳnh Văn Chấn (TG chính)	2021	Revista de Investigaciones Universidad del Quindío
32	Internet Addiction among University Students and its Associated Factors: A Cross-Sectional Study among College Students in Hanoi, Vietnam	Huỳnh Văn Chấn (Cộng sự)	2020	University of Quindío – RIUQ
33	Student agency for intercultural adaptability in international programs: Insight into internationalization at home in Vietnam	Nguyễn Thị Mỹ Trinh (Cộng sự)	2023	International Journal of Intercultural Relations
34	All It takes for a teacher is to know the Children? An Empirical Study on Increasing Child Development in Vietnamese Preschools	Nguyễn Thị Mỹ Trinh (Cộng sự)	2023	Journal of Research in Childhood Education
35	Digital Application Following Ecosystem In Early Childhood Education In Industrial Parks A Case Study In Ho Chi Minh City, Vietnam	Nguyễn Thị Mỹ Trinh (Cộng sự)	2022	Journal of Positive School Psychology
36	Assessment results of development of childrent 3-5 years old by the East Asia -Pacific early child development scales (EAP-ECDS)	Nguyễn Thị Mỹ Trinh (TG chính)	2021	Southeast Asian journal of Early Childhood care Education and parenting
37	Psychological capital and mental health problems among the unemployed in Vietnam: Self-esteem as a moderator	Nguyễn Tấn Đạt (TG chính)	2025	PlosOne
38	Enhancing self-esteem and self-compassion to mitigate suicide risk: A feasibility and acceptability study among Japanese university students	Nguyễn Tấn Đạt (TG chính)	2024	Asian Journal of Psychiatry
39	A brief self-compassion and self-esteem intervention	Nguyễn Tấn Đạt	2024	CINP 2024 35th World

	for suicidal university students: A feasibility study	(TG chính)		Congress
40	Relationship between self-esteem and suicidal ideation before and during COVID-19 in a non-clinical sample: mediating effects of psychological distress and hopelessness	Nguyễn Tấn Đạt (TG chính)	2023	Frontiers in psychiatry
41	The effectiveness of self-esteem-related interventions in reducing suicidal behaviors: A systematic review and meta-analysis	Nguyễn Tấn Đạt (TG chính)	2022	Frontiers in psychiatry
42	Comparison of convinced subtype of Taijin-kyofu and schizophrenia on cognitive assessments of Japanese patients	Nguyễn Tấn Đạt (TG chính)	2022	Asian Journal of Psychiatry
43	The mediating role of hopelessness in the relationship between self-esteem, social anxiety, and suicidal ideation among Japanese university students who visited a university health care center	Nguyễn Tấn Đạt (TG chính)	2021	Journal of Affective Disorders Reports
44	The mediating role of hopelessness in the relationship between self-esteem, social anxiety, and suicidal ideation	Nguyễn Tấn Đạt (TG chính)	2021	13th Academic Conference of the Japanese Society for Anxiety Disorders
45	Международная научно-практическая конференция «Педагогическое образование: история становления и векторы развития : Разработка и организация Steatигр с детьми 5-6 лет в детских садах Хо Ши Мин (Вьетнам). Thiết kế và tổ chức trò chơi STEAM cho trẻ 5-6 tuổi trong trường mầm non thành phố Hồ Chí Minh (Việt Nam). Международная научно-практическая	Bùi Thị Việt (Cộng sự)	2021	ФГБОУ ВО «Московский педагогический государственный университет» Институт детства. Факультет дошкольной педагогики и психологии. Институт

	Международная научно-практическая конференция «Педагогическое образование: история становления			психологии. Институт педагогики и психологии
Công bố trong nước				
46	Đời sống tinh thần của người cao tuổi tại tỉnh Bến Tre	Huỳnh Văn Chấn (TG chính)	2024	Tâm lý học Việt Nam
47	Những khó khăn của người LGBT khu vực đồng bằng Sông Cửu Long khi công khai xu hướng tính dục	Huỳnh Văn Chấn (TG chính)	2024	Tạp chí Tâm lý học
48	Đời sống vật chất của người cao tuổi tại tỉnh Bến Tre	Huỳnh Văn Chấn (TG chính)	2023	Tâm lý học Việt Nam
49	Nhu cầu giao tiếp với cha mẹ của học sinh các trường trung học phổ thông thành phố Bến Tre tỉnh Bến Tre	Huỳnh Văn Chấn (TG chính)	2023	Tâm lý học Việt Nam
50	Thực trạng sử dụng internet ở học sinh các trường trung học phổ thông Thành phố Bến Tre tỉnh Bến Tre	Huỳnh Văn Chấn (TG chính)	2023	Tâm lý học Việt Nam
51	Gây hấn học đường ở học sinh trung học cơ sở huyện Giồng Trôm, tỉnh Bến Tre	Huỳnh Văn Chấn (TG chính)	2023	Tâm lý học Việt Nam
52	Khó khăn tâm lý trong học tập theo hình thức trực tuyến của sinh viên đại học trong bối cảnh dịch bệnh Covid 19	Huỳnh Văn Chấn (TG chính)	2022	Tâm lý học Việt Nam
53	Tác động của công nghệ số đối với sức khỏe tâm thần của thanh thiếu niên: Tổng quan các nghiên cứu quốc tế gần đây	Vũ Xuân Hương (TG chính)	2025	Tạp chí Tâm lý học
54	Tổng quan nghiên cứu về sức khỏe tâm thần của trẻ em mồ côi	Lê Thị Hằng (TG chính)	2024	Tạp chí Giáo chức Việt Nam
55	Tổng quan về các yếu tố ảnh hưởng đến sức khỏe tâm thần của trẻ em mồ côi	Lê Thị Hằng (TG chính)	2023	Tạp chí Tâm lý học

56	Tâm lý lo âu của cán bộ giảng viên Khoa Du lịch Việt Nam học Trường Đại học Nguyễn Tất Thành trong đại dịch Covid-19	Lê Thị Hằng (TG chính)	2021	Dạy và học ngày nay
57	Nhu cầu tư vấn học đường của sinh viên Khoa Du lịch và Việt Nam học trường Đại học Nguyễn Tất Thành	Lê Thị Hằng (TG chính)	2020	Dạy và học ngày nay
58	Mức độ khả thi và chấp nhận của chương trình can thiệp mới nâng cao ý thức giá trị bản thân và lòng tự trọng ở sinh viên Nhật Bản có nguy cơ tự tử	Nguyễn Tấn Đạt (TG chính)	2024	Hội thảo: Sang chấn tâm lý và tăng cường hậu sang chấn ĐH KHXH&NV TP.HCM
59	Môi trường giáo dục an toàn, lành mạnh, thân thiện- lý luận, thực trạng và giải pháp xây dựng ở các cơ sở GDMN, PT đáp ứng yêu cầu đổi mới giáo dục	Nguyễn Thị Mỹ Trinh (Đồng Chủ biên)	2022	NXB Giáo dục Việt Nam
60	Báo cáo phân tích ngành giáo dục Việt Nam 2011-2020	Nguyễn Thị Mỹ Trinh (TG chính)	2022	NXB ĐHQG Hà Nội
61	Solutions for student intercultural adaptability development in internationalised programs of Vietnamese universities	Nguyễn Thị Mỹ Trinh (Cộng sự)	2022	Vietnam Journal of Educational Sciences
62	Integrating digital technologies into the early literacy learning of young children	Nguyễn Thị Mỹ Trinh (TG chính)	2021	Vietnam Journal of Educational Sciences
63	Conceptualizing intercultural adaptation development in students of international training programs in higher education	Nguyễn Thị Mỹ Trinh (Cộng sự)	2021	Vietnam Journal of Educational Sciences
64	Tích hợp Giáo dục đa văn hóa trong thực hiện chương trình giáo dục mầm non cho trẻ Dân tộc thiểu số Việt Nam	Nguyễn Thị Mỹ Trinh (Đồng Chủ biên)	2020	NXB Đại học Quốc gia Hà Nội
65	Vietnam East Asia -Pacific early child development scales (eap – acds – sf): A validation study	Nguyễn Thị Mỹ Trinh (TG chính)	2020	Kỷ yếu Hội thảo KH quốc tế lần thứ nhất về

				KHGD. NXB Đại học quốc gia Hà Nội “Giáo dục sớm trong thời đại công nghệ - những cơ hội và thách thức”
66	Thực trạng công tác đào tạo, bồi dưỡng giáo viên mầm non thực hiện nuôi, dạy trẻ dưới 36 tháng tuổi ở Việt Nam	Nguyễn Thị Mỹ Trinh (TG chính)	2017	Tạp chí Khoa học Giáo dục
67	Học tập suốt đời trong kỷ nguyên số: rào cản, vai trò công nghệ và giải pháp từ góc nhìn của giáo viên và cán bộ quản lý giáo dục	Bùi Thị Việt (TG chính)		Kỷ yếu Hội thảo khoa học quốc tế “Nghiên cứu liên ngành về chiến lược môi trường, xã hội và quản trị cho các mục tiêu phát triển bền vững” tổ chức ngày 12/06/2025. ISBN: 978-604-76-3120-9
68	Thiết kế và đổi mới chương trình đào tạo ngành tâm lý học: từ WINCER đến phục vụ cộng đồng	Bùi Thị Việt (TG chính)	2025	Hội thảo Quốc gia - Chất lượng giáo dục đại học – NTTU “Thúc đẩy giáo dục xanh trong các trường đại học – Chiến lược hướng tới sự phát triển bền vững”
69	Đánh giá kết quả tổ chức trò chơi theo tiếp cận STEAM cho trẻ mẫu giáo 5-6 tuổi (Assessment of	Bùi Thị Việt (Công sự)	2023	Tạp chí Giáo dục

	game organization results following steam access for children 5-6 year old)				
70	Biện pháp tổ chức hoạt động tạo hình cho trẻ 5-6 tuổi theo mô hình Reggio (Measures to establish forming operations for children aged five to six under the Reggio model)	Bùi Thị Việt (TG chính)	2023	Tạp chí Giáo dục	
71	Sức khỏe thể chất và tinh thần của giáo viên và trẻ trong trường mầm non	Bùi Thị Việt (TG chính)	2023	Hội thảo của hội Tâm lý	
72	Tổ chức hoạt động khám phá cho trẻ mẫu giáo Sách tham khảo: Dạy học trải nghiệm: Những vấn đề lý luận và thực tiễn.	Bùi Thị Việt (Công sự)	2022	NXBĐH Huế	
73	Phát triển toàn diện và duy trì bản sắc cá nhân của sinh viên nữ ngành Giáo dục Mầm non trong thời đại mới	Bùi Thị Việt (TG chính)	2022	H02 thảo “Phẩm cách, sức mạnh tâm lý và sự phát triển toàn diện của sinh viên”	
74	Tài liệu Bài tập phát triển chung dành cho trẻ mầm non	Bùi Thị Việt (TG chính)	2020	NXB Giáo dục Việt Nam	
75	Thực trạng quản lý hoạt động giáo dục địa phương tại các trường trung học cơ sở huyện Thanh Trị, tỉnh Sóc Trăng	Lê Văn Chín (Công sự)	2025	Tạp chí Đại học Đồng Tháp Tạp chí Giáo Chức	

5.4. Các hướng nghiên cứu đề tài luận văn thạc sĩ và người hướng dẫn

Bảng 5.4. Các hướng nghiên cứu làm luận văn thạc sĩ

Số TT	Hướng nghiên cứu, lĩnh vực nghiên cứu có thể nhận hướng dẫn học viên cao học	Họ tên, học vị, học hàm người có thể hướng dẫn học viên cao học	Số lượng học viên cao học có thể tiếp nhận
1	Can thiệp nhận thức – hành vi (CBT) với rối loạn lo âu và trầm cảm	PGS. TS. Huỳnh Văn Chấn PGS. TS. Nguyễn Thị Mỹ Trinh TS. Vũ Xuân Hướng TS. Lê Thị Hằng	12
2	Sức khỏe tâm thần ở lứa tuổi vị thành niên		
3	Chấn thương tâm lý (PTSD) và hồi phục sau sang chấn		
4	Tâm lý học lâm sàng trong bối cảnh văn hóa Việt Nam	PGS. TS. Huỳnh Văn Chấn PGS. TS. Đinh Thị Kim Thoa TS. Hoàng Thị Oanh	5
5	Ứng dụng công nghệ trong tham vấn – trị liệu	TS. Nguyễn Thị Mỹ Trinh TS. Nguyễn Tấn Đạt	5
6	Mối liên hệ giữa sức khỏe tâm thần và bệnh lý cơ thể	TS. Lê Thị Hằng PGS. TS. Huỳnh Văn Chấn TS. Nguyễn Thị Xuân	6
7	Vai trò của gia đình trong trị liệu tâm lý	PGS. TS. Nguyễn Thị Mỹ Trinh TS. Nguyễn Chí Tăng TS. Võ Văn Luyến	8

Số TT	Hướng nghiên cứu, lĩnh vực nghiên cứu có thể nhận hướng dẫn học viên cao học	Họ tên, học vị, học hàm người có thể hướng dẫn học viên cao học	Số lượng học viên cao học có thể tiếp nhận
		TS. Bùi Thị Việt	
8	Phát triển thang đo tâm lý trong bối cảnh Việt Nam	PGS. TS. Huỳnh Văn Chấn TS. Vũ Xuân Hưởng TS. Nguyễn Tấn Đạt	4
9	Thực hành chánh niệm (Mindfulness) trong can thiệp lâm sàng	TS. Vũ Xuân Hưởng TS. Nguyễn Tấn Đạt	4
10	Đạo đức nghề nghiệp và kiệt sức (burnout) ở nhà trị liệu	PGS. TS. Huỳnh Văn Chấn PGS. TS. Nguyễn Thị Mỹ Trinh PGS. TS. Đinh Thị Kim Thoa TS. Nguyễn Thị Xuân	6

PHẦN 6

KẾ HOẠCH TUYỂN SINH VÀ ĐẢM BẢO CHẤT LƯỢNG

6.1. Kế hoạch tuyển sinh, đào tạo

6.1.1. Nguồn tuyển sinh

Thực hiện theo Quy chế tuyển sinh và Đào tạo trình độ Thạc sĩ của Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành ngày 30/8/2021 (Thông tư số 23/2021/TT-BGDĐT) và Quy chế tuyển sinh và Đào tạo trình độ Thạc sĩ (Quyết định số 569/QĐ-ĐHNTT ngày 10/05/2022) của trường Đại học Nguyễn Tất Thành.

6.1.2. Đối tượng tuyển sinh

a) Yêu cầu đối với người dự tuyển:

Đã tốt nghiệp hoặc đã đủ điều kiện công nhận tốt nghiệp đại học (hoặc trình độ tương đương trở lên) ngành phù hợp; ngành phù hợp (Nhóm 1) và ngành phù hợp (Nhóm 2). Đối với chương trình định hướng nghiên cứu yêu cầu hạng tốt nghiệp từ khá trở lên hoặc có công bố khoa học liên quan đến lĩnh vực sẽ học tập, nghiên cứu;

Có năng lực ngoại ngữ từ Bậc 3 trở lên theo Khung năng lực ngoại ngữ 6 bậc dùng cho Việt Nam;

Đáp ứng các yêu cầu khác của chuẩn chương trình đào tạo do Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành và theo quy định của chương trình đào tạo.

b) Ứng viên đáp ứng khi có một trong các văn bằng, chứng chỉ sau:

Bằng tốt nghiệp trình độ đại học trở lên ngành ngôn ngữ nước ngoài; hoặc bằng tốt nghiệp trình độ đại học trở lên mà chương trình được thực hiện chủ yếu bằng ngôn ngữ nước ngoài;

Bằng tốt nghiệp trình độ đại học trở lên do chính cơ sở đào tạo cấp trong thời gian không quá 02 năm mà chuẩn đầu ra của chương trình đã đáp ứng yêu cầu ngoại ngữ đạt trình độ Bậc 3 trở lên theo Khung năng lực ngoại ngữ 6 bậc dùng cho Việt

Nam;

Một trong các văn bằng hoặc chứng chỉ ngoại ngữ đạt trình độ tương đương Bậc 3 trở lên theo Khung năng lực ngoại ngữ 6 bậc dùng cho Việt Nam hoặc các chứng chỉ tương đương khác do Bộ Giáo dục và Đào tạo công bố, còn hiệu lực tính đến ngày đăng ký dự tuyển.

c) Ứng viên dự tuyển là công dân nước ngoài nếu đăng ký theo học các chương trình đào tạo thạc sĩ bằng tiếng Việt phải đạt trình độ tiếng Việt từ Bậc 4 trở lên theo Khung năng lực tiếng Việt dùng cho người nước ngoài hoặc đã tốt nghiệp đại học (hoặc trình độ tương đương trở lên) mà chương trình đào tạo được giảng dạy bằng tiếng Việt; đáp ứng yêu cầu về ngoại ngữ thứ hai theo quy định của cơ sở đào tạo (nếu có).

6.1.3. Phương thức tuyển sinh

Hình thức: Xét tuyển.

Công dân Việt Nam đáp ứng được yêu cầu đối với người dự tuyển quy định tại khoản 1 Mục 5 có thể nộp hồ sơ xét tuyển (mẫu hồ sơ theo quy định của Đại học Nguyễn Tất Thành).

Công dân nước ngoài có nguyện vọng học thạc sĩ tại Việt Nam được Hiệu trưởng trường Đại học Nguyễn Tất Thành căn cứ vào ngành đào tạo, kết quả học tập ở trình độ đại học; trình độ ngôn ngữ theo yêu cầu của chương trình đào tạo và trình độ tiếng Việt để xét tuyển; trường hợp có điều ước quốc tế hoặc thỏa thuận hợp tác giữa Chính phủ Việt Nam với chính phủ nước ngoài hoặc tổ chức quốc tế về việc tiếp nhận công dân nước ngoài đến Việt Nam học tập ở trình độ thạc sĩ thì áp dụng quy định của điều ước quốc tế hoặc thỏa thuận hợp tác đó.

6.1.4. Danh mục các ngành phù hợp 1 và các ngành phù hợp khác cần học bổ sung kiến thức

Bảng 6.1.a. Ngành phù hợp không phải học bổ sung kiến thức và không yêu cầu tham

niên công tác, được dự thi ngay sau khi tốt nghiệp

Mã số	Tên gọi
7310401	Tâm lý học
7310403	Tâm lý giáo dục
Thí điểm	Tham vấn học đường
Thí điểm	Tâm lý học lâm sàng

Bảng 6.1.b. Ngành phù hợp (Nhóm 1) phải học bổ sung kiến thức

Mã số	Tên gọi (Bằng cử nhân)
7720101	Y khoa
7720102	Y học dự phòng
7720115	Y học cổ truyền
7720301	Điều dưỡng
7720701	Y tế công cộng
7760101	Công tác xã hội
7760103	Hỗ trợ giáo dục người khuyết tật
7140101	Giáo dục học
7140201	Giáo dục Mầm non
7140202	Giáo dục Tiểu học
7140203	Giáo dục Đặc biệt
7140204	Giáo dục Công dân
7140213	Sư phạm Sinh học
7140217	Sư phạm Ngữ văn
7140218	Sư phạm Lịch sử

7140219	Sư phạm Địa lí
7310301	Xã hội học
7310302	Nhân học

Đối với các ngành phù hợp (Nhóm 2) phải học bổ sung kiến thức như ngành phù hợp (Nhóm 1) và phải đã hoặc đang tham gia hoạt động ở lĩnh vực tâm lý hoặc sức khỏe tâm thần

Bảng 6.1.c. Chương trình bổ sung kiến thức

STT	Các học phần bổ sung kiến thức	Số tín chỉ
1	Tâm lý học đại cương	2
2	Tâm lý học lâm sàng	2
3	Tham vấn tâm lý	2
4	Tâm bệnh học	2
5	Chẩn đoán tâm lý	2
	Tổng số tín chỉ	10

6.1.5. Hồ sơ dự tuyển

Hồ sơ dự tuyển gồm có:

a) Đơn xin dự tuyển (theo mẫu được đăng tải trên cổng thông tin điện tử của Viện Đào tạo Sau đại học);

b) Lý lịch khoa học có xác nhận của Thủ trưởng cơ quan nơi thí sinh đang công tác hoặc chính quyền địa phương nơi thí sinh cư trú về các thông tin liên quan đến hộ tịch của người đăng ký xét tuyển (Theo mẫu trên cổng thông tin điện tử của Viện Đào tạo Sau đại học);

c) Bản sao văn bằng, chứng chỉ có công chứng hoặc chứng thực, gồm: Bằng đại học và bằng thạc sĩ; văn bằng, chứng chỉ ngoại ngữ phù hợp;

d) Minh chứng nghiên cứu khoa học (nếu có):

Đối với bài báo hoặc báo cáo khoa học đã được công bố: Bản photocopy trang bìa, trang mục lục tên bài báo hoặc báo cáo khoa học, tên tác giả và toàn bộ nội dung bài báo hoặc báo cáo khoa học. Đối với bài báo hoặc báo cáo phiên bản điện tử thì phải có bản in trang điện tử của tạp chí đăng tải minh chứng đó. Các tài liệu minh chứng phải có bản gốc để đối chiếu khi nộp hồ sơ;

e) Giấy khám sức khỏe do các bệnh viện cấp quận (huyện) trở lên cấp.

6.1.6. Quy trình tuyển sinh

Thông báo tuyển sinh

Thông báo tuyển sinh được công bố công khai trên trang thông tin điện tử của Viện Sau đại học (saudaihoc.ntt.edu.vn) ít nhất 45 ngày tính đến ngày kết thúc nhận hồ sơ đăng ký dự tuyển.

Thông báo tuyển sinh bao gồm những nội dung:

- a) Đối tượng và điều kiện dự tuyển;
- b) Chỉ tiêu tuyển sinh theo chương trình đào tạo, hình thức đào tạo;
- c) Danh mục ngành phù hợp của từng chương trình đào tạo và quy định những trường hợp phải hoàn thành học bổ sung;
- d) Hồ sơ dự tuyển;
- e) Kế hoạch và phương thức tuyển sinh;
- f) Mức học phí, mức thu dịch vụ tuyển sinh và khoản thu dịch vụ khác cho lộ trình từng năm học, cả khóa học;
- g) Học phí, các chính sách miễn giảm học phí và hỗ trợ kinh phí cho nghiên cứu sinh trong quá trình học tập (nếu có);
- h) Những thông tin cần thiết khác theo yêu cầu của chương trình đào tạo trong từng đợt tuyển sinh cụ thể.

Thời gian và hình thức tuyển sinh

- Phương thức tuyển sinh đào tạo trình độ thạc sĩ bao gồm thi tuyển và xét tuyển;
- Tuyển sinh đào tạo trình độ thạc sĩ được tổ chức nhiều lần trong một năm.

6.1.7. Quy trình xét tuyển

- Thí sinh nộp hồ sơ dự tuyển về Viện Đào tạo Sau Đại học theo thông báo.
- Viện Đào tạo Sau Đại học tổng hợp hồ sơ thí sinh đã nộp, nhập thông tin dữ liệu thí sinh đăng ký.
- Viện Đào tạo Sau Đại học tham mưu lập hội đồng tuyển sinh và các ban giúp việc cho hội đồng;

Quy trình tổ chức xét tuyển

a) Viện Đào tạo Sau Đại học lập bảng thống kê kết quả học tập điểm trung bình toàn khóa của Bảng điểm đại học theo thang điểm 10 hoặc tương đương.

b) Hội đồng căn cứ vào quy chế tuyển sinh công bố, đối tượng ưu tiên, chỉ tiêu tuyển sinh từng ngành để xét theo kết quả từ trên xuống thấp đúng với chỉ tiêu đã đề ra.

c) Quy trình xét tuyển như quy trình xét tuyển sinh đại học.

6.1.8. Quy mô tuyển sinh và thời gian đào tạo

Căn cứ vào năng lực giảng viên và điều kiện cơ sở vật chất, dự kiến quy mô tuyển sinh như sau:

- Khóa đầu tiên Trường dự kiến tuyển 30 học viên/đợt, các năm sau tăng từ 20% số học viên/năm;
- Thời gian đào tạo: 02 năm

6.2. Điều kiện tốt nghiệp

Học viên được công nhận tốt nghiệp khi:

a) Có trình độ ngoại ngữ đạt trình độ tương đương Bậc 4 theo Khung năng lực ngoại ngữ 6 bậc dùng cho Việt Nam quy định hoặc các chứng chỉ tương đương khác do Bộ Giáo dục và Đào tạo công bố, hoặc bằng tốt nghiệp trình độ đại học trở lên ngành ngôn ngữ nước ngoài, hoặc bằng tốt nghiệp trình độ đại học trở lên ngành khác mà chương trình được thực hiện hoàn toàn bằng ngôn ngữ nước ngoài.

b) Bảo vệ luận văn đạt yêu cầu có điểm đạt từ 5,5 trở lên;

c) Đã nộp luận văn được Hội đồng đánh giá đạt yêu cầu trở lên theo đúng thời gian 30 ngày sau khi bảo vệ, có xác nhận của người hướng dẫn và Chủ tịch Hội đồng về việc luận văn đã được chỉnh sửa theo kết luận của Hội đồng, đóng kèm bản sao kết luận của Hội đồng đánh giá luận văn và nhận xét của các phản biện cho Viện Đào tạo Sau đại học để sử dụng làm tài liệu tham khảo tại Thư viện và lưu trữ.

d) Hoàn thành lệ phí tốt nghiệp theo quy định.

Trường tổ chức xét và ra quyết định công nhận tốt nghiệp trong thời hạn 02 tháng tính từ ngày học viên bảo vệ thành công luận văn; tối đa thêm 03 tháng trong trường hợp phải tổ chức thẩm định luận văn.

6.3. Tổ chức bộ máy quản lý để mở ngành Tâm lý học lâm sàng trình độ thạc sĩ

Bộ máy quản lý để mở ngành Tâm lý học lâm sàng trình độ thạc sĩ như sau:

6.3.1. Khoa chủ quản mở ngành Tâm lý học lâm sàng trình độ thạc sĩ

Khoa Tâm lý - Giáo dục được phê duyệt thông qua chủ trương mở ngành Tâm lý học lâm sàng trình độ Thạc sĩ theo Nghị Quyết số 31/NQ-HĐT ngày 15 tháng 07 năm 2025, và Quyết định số 1334/QĐ-NTT ngày 15 tháng 07 năm 2025 về việc giao nhiệm vụ Khoa Tâm lý - Giáo dục chủ quản xây dựng, đào tạo ngành Tâm lý học lâm sàng trình độ Thạc sĩ, mã số: 8310402.

6.3.2. Danh sách cán bộ quản lý

Danh sách cán bộ quản lý phụ trách ngành Tâm lý học lâm sàng trình độ thạc sĩ:

Bảng 6.3. Danh sách cán bộ quản lý phụ trách ngành đào tạo

STT	Họ và tên	Trình độ đào tạo, năm tốt nghiệp	Ngành/ Chuyên ngành	Chức vụ hiện tại
1	Trần Ái Cẩm	TS, 2013	Kinh tế và Quản lý	Hiệu trưởng
2	Nguyễn Lan Phương	TS, 2016	Quản lý giáo dục	Hiệu Phó
3	Huỳnh Văn Chấn	TS, 2014	Tâm lý học	Trưởng khoa
4	Vũ Xuân Hương	TS, 2015	Tâm lý - Giáo dục	Phó trưởng khoa

6.4. Phương án, giải pháp đề phòng, ngăn ngừa, xử lý rủi ro

Phương án, giải pháp đề phòng, ngăn ngừa, xử lý rủi ro trong mở ngành đào tạo như thể hiện trong Bảng 6.4.

Bảng 6.4. Phương án xử lý rủi ro trong mở ngành đào tạo

STT	Rủi ro	Biện pháp ngăn ngừa và/hoặc xử lý
1	Tuyển sinh không đủ số lượng để mở lớp	- Đẩy mạnh hoạt động tuyển sinh để đảm bảo tuyển sinh đủ số lượng theo yêu cầu mở lớp - Trong trường hợp không tuyển đủ số lượng học viên để mở lớp, Khoa sẽ chuyển các học viên trúng tuyển đến các trường có chương trình đào tạo tương đương. Phương án này sẽ được báo

STT	Rủi ro	Biện pháp ngăn ngừa và/hoặc xử lý
		trước với thí sinh khi tham dự xét tuyển.
2	Giảng viên nghỉ việc đột xuất, ảnh hưởng đến số lượng giảng viên đạt chuẩn theo quy định mở ngành và duy trì ngành của Bộ Giáo dục và Đào tạo	Tiếp tục gia tăng nguồn giảng viên cơ hữu đủ điều kiện theo yêu cầu của Bộ Giáo dục và Đào tạo bằng cách tuyển dụng nguồn nhân lực ngoài trường và lên kế hoạch cử giảng viên là thạc sĩ của Khoa theo học các chương trình nghiên cứu sinh trong và ngoài nước.
3	Không đủ giảng viên hướng dẫn học viên làm luận văn	Tăng cường mối quan hệ hợp tác với các Trường trong và ngoài nước để thực hiện việc trao đổi giảng viên.
4	Không đủ giảng viên đủ điều kiện để mở Hội đồng bảo vệ luận văn	Tăng cường thiết lập quan hệ với lực lượng giảng viên thỉnh giảng, giảng viên doanh nghiệp.
5	Trường bị đình chỉ ngành đào tạo	Chuyển các học viên đang theo học tại Trường đến các trường có chương trình đào tạo tương đương, bảo đảm đầy đủ quyền lợi của học viên, không ảnh hưởng đến thời gian đào tạo, hình thức đào tạo, bằng cấp.

6.5. Kế hoạch tổ chức giảng dạy trực tuyến

Trường đã ban hành Quy định xây dựng học liệu và tổ chức giảng dạy các học phần theo hình thức E-Learning (Quyết định số 719/QĐ-NTT ngày 20/10/2020 của

hiện hành của Bộ Giáo dục và Đào tạo để sẵn sàng chuyển sang dạy học trực tuyến bảo đảm chất lượng đào tạo theo quy định.

6.6. Kế hoạch đảm bảo chất lượng đào tạo

- Kế hoạch phát triển đội ngũ GV, cán bộ quản lý theo định hướng từ Tiến sĩ lên Phó giáo sư. Đội ngũ GV dự kiến tăng 10 – 20 % /năm;
- Kế hoạch tăng cường cơ sở vật chất: tăng đầu tư máy móc, thiết bị theo kế hoạch đào tạo cập nhật và phù hợp mức học phí;
- Kế hoạch hợp tác quốc tế về đào tạo: tổ chức hội thảo chuyên ngành cùng Trung tâm, trao đổi học viên nghiên cứu trong và ngoài nước;
- Kế hoạch hợp tác với đơn vị tuyển dụng học viên tốt nghiệp: phối hợp Phòng QHDN và VLSV, hỗ trợ việc làm đầu ra cho học viên tốt nghiệp;
- Kế hoạch hợp tác với các doanh nghiệp triển khai các dự án NCKH gắn liền với luận văn tốt nghiệp của học viên để phát triển hoạt động khoa học công nghệ của Khoa và tăng hình thức/hiệu quả phục vụ cộng đồng;
- Xây dựng đề án/luận văn tích hợp đào tạo thạc sỹ với đào tạo chuyên gia theo xu hướng đào tạo theo nhu cầu/đào tạo theo dự án;
- Mức học phí (dự kiến): 75.000.000 - 80.000.000/khóa/1 người học./.

HIỆU TRƯỞNG



TS. TRẦN ÁI CẨM

KHOA TÂM LÝ - GIÁO DỤC

PGS. TS. HUỖNH VĂN CHẤN